ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU MỚI. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

công ty c phn than tây nam Lá mài - vinacomin

Digitally signed by công ty c phn than tây nam Lá mài - vinacomin
DN: cn=công ty c phn than tây nam Lá mài - vinacomin gn=công ty c phn than tây nam Lá mài - vinacomin c=United States l=US e=taynamdamai@gmail.com
Reason: công ty c phn than tây nam Lá mài - vinacomin
Location:
Date: 2020-07-14 15:31+07:00

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

*(Giấy chứng nhận ĐKDN Số 5700101098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/01/2007, thay đổi lần thứ 8, vào ngày 20/01/2017)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

*(Giấy chứng nhận ĐKDN Số 5700289499, đăng ký lần đầu ngày 25/09/1999, thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp)*

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 137../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10. tháng 7..... năm 2020)*

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ……..tại:**

| | |
|---|---|
| **Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin** | Điện thoại: (84-33) 3862 337 |
| Phường Cẩm Sơn – TP. Cẩm phả - Tỉnh Quảng Ninh | Fax: (84-33) 3863 945 |
| **Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin** | Điện thoại: (84-33) 3862229 |
| Phường Cẩm Sơn – TP. Cẩm phả - Tỉnh Quảng Ninh | Fax: (84-33) 3860641 |
| **Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** | Điện thoại: (84-24) 3928 8080 |
| Số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | Fax: (84-24) 3928 9888 |
| **Phụ trách công bố thông tin:** | Điện thoại: 0912330997 |
| **Ông Doãn Mạnh Hà-Thư ký/Trưởng phòng Tổng hợp** | |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN**

*(Giấy chứng nhận ĐKDN Số 5700101098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/01/2007, thay đổi lần thứ 8, vào ngày 20/01/2017)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI – VINACOMIN**

*(Giấy chứng nhận ĐKDN Số 5700289499, đăng ký lần đầu ngày 25/09/1999, thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp)*

# CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

**Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu

**Tổng số lượng chào bán**: 42.846.773 cổ phiếu

**Tổng giá trị chào bán**: 428.467.730.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tám tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*)

## TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Địa chỉ : Số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 3928 8080
Fax : (84-24) 3928 9888
Website : www.bvsc.com.vn

## TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ **CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM**

Địa chỉ : Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 6664 4488
Fax : (84-24) 6664 2233
Website : www.pkf.com.vn

## TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ

❖ **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Địa chỉ : Tầng 9, tòa nhà HL, ngõ 82 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 3755 7446
Fax : (84-24) 3755 7448

MỤC LỤC


**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ..... 5**

1. Rủi ro kinh tế ..... 5
2. Rủi ro luật pháp ..... 5
3. Rủi ro đặc thù ..... 5
4. Rủi ro của đợt chào bán ..... 6
5. Rủi ro quản trị công ty ..... 6
6. Rủi ro khác ..... 6

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ..... 7**

1. Tổ chức tham gia hợp nhất ..... 7
2. Tổ chức tư vấn phát hành ..... 7

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ..... 7

**III. CÁC KHÁI NIỆM ..... 8**

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN ..... 8**

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển ..... 8
2. Cơ cấu tổ chức công ty ..... 10
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty ..... 10
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông trên mức vốn thực góp hiện tại (tại ngày 20/11/2019). ..... 13
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành. ..... 14
6. Giới thiệu quá trình tăng vốn của Công ty ..... 15
7. Hoạt động kinh doanh của Công ty ..... 15
8. Danh sách các hợp đồng lớn của Công ty đã và đang thực hiện trong thời gian vừa qua ..... 17
9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất ..... 18
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành ..... 20
11. Chính sách đối với người lao động ..... 22
12. Chính sách cổ tức ..... 23
13. Tình hình hoạt động tài chính ..... 23
14. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng ..... 27
15. Tài sản ..... 38
16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 ..... 39
17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức ..... 39
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty : Không có ..... 40
19. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. ..... 40

**V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN ..... 40**

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin ..... 40
2. Cơ cấu tổ chức Công ty ..... 41
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty ..... 42
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của TND và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông trên mức vốn thực góp hiện tại . 44
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của TND, những Công ty mà TND đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TND 44
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin ..... 45
7. Hoạt động kinh doanh ..... 46
8. Hoạt động Marketing ..... 47
9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền ..... 47
10. Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết ..... 48
11. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất ..... 49
12. Vị thế của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành ..... 51
13. Chính sách đối với người lao động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài ..... 53
14. Chính sách cổ tức ..... 54
15. Tình hình hoạt động tài chính của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài ..... 54
16. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng ... 58
17. Tài sản ..... 67
18. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 ..... 67
19. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức ..... 68
20. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất…): Không có ..... 68
21. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành: Không có ..... 68
**VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN THỰC HIỆN HỢP NHẤT ..... 68**
1. Cổ phiếu chào bán ..... 69
2. Hình thức hợp nhất: ..... 69
3. Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi: ..... 69
4. Phương án tổ chức công ty hợp nhất: ..... 70
5. Phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất doanh nghiệp ..... 72
6. Thủ tục và điều kiện hợp nhất ..... 73
7. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản ..... 74
8. Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất: ..... 75
9. Phương án sử dụng lao động: ..... 75
**VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH ..... 76**
1. Tổ chức bảo lãnh phát hành: không. ..... 76
2. Tổ chức tư vấn: ..... 76

3. Tổ chức kiểm toán: ..... 76
4. Tổ chức thẩm định giá ..... 76
5. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ..... 76
**VIII. PHỤ LỤC** ..... 77

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

BẢNG 1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên của Công ty tại ngày 20/11/2019 ..... 13
BẢNG 2. Cơ cấu vốn cổ phần của TCS tại ngày 20/11/2019 ..... 14
BẢNG 3. Quá trình tăng vốn của Công ty ..... 15
BẢNG 4. Cơ cấu doanh thu của Than Cao Sơn năm 2017, 2018 và 9T/2019 ..... 16
BẢNG 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Than Cao Sơn năm 2017, 2018 và 9T/2019 ..... 16
BẢNG 6. Danh sách các hợp đồng lớn của Công ty đã và đang thực hiện trong thời gian vừa qua 17
BẢNG 7. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017, năm 2018 và 9 tháng đầu năm 2019 ..... 19
BẢNG 8. Bảng so sánh sản lượng than sản xuất và tiêu thụ của Than Cao Sơn so với các doanh nghiệp trong cùng Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam năm 2018 ..... 21
BẢNG 9. Sản lượng than sản xuất và tiêu thụ của Than Cao Sơn từ 2016-2019 ..... 21
BẢNG 10. Số lượng người lao động trong CTCP Than Cao Sơn tính đến thời điểm 30/09/2019 ..... 22
BẢNG 11. Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2019 ..... 23
BẢNG 12. Trích lập các quỹ của Công ty ..... 24
BẢNG 13. Tổng dư nợ vay ngân hàng của TCS tại tại thời điểm 2017, 2018 và 30/09/2019 ..... 25
BẢNG 14. Các khoản phải thu của TCS từ 2017 – 30/09/2019 ..... 25
BẢNG 15. Các khoản phải trả từ 2017-30/09/2019 ..... 25
BẢNG 16. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu ..... 26
BẢNG 17. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng ..... 27
BẢNG 18. Tài sản cố định hữu hình của Than Cao Sơn tại thời điểm 30/06/2019 ..... 38
BẢNG 19. Một số chỉ tiêu dự kiến trong kế hoạch tài chính hợp nhất năm 2020 ..... 39
BẢNG 20. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của TND tại ngày 21/11/2019 ..... 44
BẢNG 21. Cơ cấu vốn cổ đông tại ngày 21/11/2019 ..... 44
BẢNG 22. Quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin ..... 45
BẢNG 23. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin ..... 46
BẢNG 24. Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin ..... 47
BẢNG 25. Danh sách các hợp đồng lớn của Công ty đã và đang thực hiện ..... 48
BẢNG 26. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài trong năm 2017, 2018 và 9T/2019 ..... 49
BẢNG 27. Cơ cấu lao động của TND tại 30/09/2019 ..... 53
BẢNG 28. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh ..... 54
BẢNG 29. Trích lập các quỹ của TND ..... 55
BẢNG 30. Tổng dư nợ vay ngân hàng của TND tại tại thời điểm 31/12/2017, 31/12/2018 và 30/09/2019 ..... 55
BẢNG 31. Các khoản phải thu của TND tại thời điểm 31/12/2017, 31/12/2018 và 30/09/2019 ..... 56
BẢNG 32. Các khoản phải trả của TND tại thời điểm 31/12/2017, 31/12/2018 và 30/09/2019 ..... 56
BẢNG 33. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu ..... 57
BẢNG 34. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng ..... 58
BẢNG 35. Tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài Đồng tại thời điểm 30/06/2019 ..... 67
BẢNG 36. Tỷ lệ hoán đổi cổ phần ..... 69
BẢNG 37. Ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất ..... 70
BẢNG 38. Danh sách thành viên HĐQT, BKS và Giám đốc Công ty hợp nhất ..... 71
BẢNG 39. Kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến của Công ty hợp nhất ..... 75

# I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

## 1. Rủi ro kinh tế

Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều biện pháp để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và phân bổ hợp lý các nguồn lực, hỗ trợ nền kinh tế có những bước tăng trưởng đáng kể so với những năm trước đây cũng như so với các quốc gia khác nhau trong khu vực. Theo số liệu của Tổng Cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%, đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm 2019 là tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường (ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%). Về cơ cấu kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%.

Các thay đổi của Chính phủ về chính sách tài khóa, cơ chế quản lý vốn, các chính sách liên quan đến thương mại đều có thể tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

## 2. Rủi ro luật pháp

Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin (mã chứng khoán: TCS, sàn HNX) là doanh nghiệp đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin (mã chứng khoán: TND, sàn UPCOM) là doanh nghiệp đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Do vậy, hoạt động của 2 Công ty chịu sự chi phối bởi Luật chứng khoán và các quy định của HNX. Hiện nay, 2 Công ty đang đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi nhằm mục đích thực hiện hợp nhất doanh nghiệp, việc hợp nhất và tiến độ hợp nhất được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin chịu sự điều chỉnh của pháp luật và các quy định của Việt Nam bao gồm Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ tiếp tục được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của các Công ty.

## 3. Rủi ro đặc thù

Ngành than là một ngành kinh tế trọng điểm nên chịu sự điều chỉnh và tác động nhất định của các cơ chế cũng như chính sách pháp luật. Theo đó, những chính sách này sẽ có những tác động nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty.

Hoạt động khai thác than của 2 Công ty đều là hoạt động khai thác lộ thiên nên chịu nhiều rủi ro của mưa, bão, lũ, ảnh hưởng cấu tạo của địa chất đứt gãy gây lụt lún,... ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiệu quả của việc khai thác phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết. Mưa kéo dài sẽ làm ngập các moong khai thác, Công ty sẽ tốn những khoản chi phí không nhỏ để bơm thoát nước ra ngoài. Những chi phí phát sinh này sẽ tác động tương đối tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty.

**4. Rủi ro của đợt chào bán**

Đây là đợt phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin thông qua phương thức hoán đổi cổ phiếu. Vì vậy, rủi ro không phân phối được hết cổ phiếu của đợt phát hành là không có, tuy nhiên tiến độ thực hiện hợp nhất phụ thuộc vào sự xem xét và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

**5. Rủi ro quản trị công ty**

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Đánh giá đúng vai trò của quản trị Công ty và quan tâm đến quản trị Công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty yếu kém, ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và ổn định của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị hoạt động không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty,... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, quyền lợi của cổ đông và người lao động.

**6. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, địch hoạ, dịch bệnh, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức tham gia hợp nhất

### 1.1. Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin

Ông **Vũ Văn Khẩn** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Phạm Thành Đông** Chức vụ: Giám đốc

Ông **Trần Tuấn Anh** Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà **Lê Thị Kim Dung** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 1.2. Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin

Ông **Vũ Văn Khẩn** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Vũ Trọng Tuấn** Chức vụ: Quyền Giám đốc

Ông **Đinh Văn Chiến** Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà **Nguyễn Thị Lịch** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 2. Tổ chức tư vấn phát hành

**Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**

Ông **Nhữ Đình Hòa** - Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành do Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do 2 Công ty cung cấp.

## III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|---|---|
| BCTC: | Báo cáo tài chính |
| BHXH: | Bảo hiểm xã hội |
| BKS: | Ban kiểm soát |
| CBNV: | Cán bộ nhân viên |
| CNĐKKD: | Chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| CP: | Cổ phần/Cổ phiếu |
| CTCP: | Công ty Cổ phần |
| ĐHĐCĐ: | Đại Hội Đồng Cổ Đông |
| DTT: | Doanh thu thuần |
| EPS: | Thu nhập trên mỗi cổ phiếu |
| HĐ: | Hợp đồng |
| HĐQT: | Hội đồng Quản trị |
| HNX: | Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội |
| KTT: | Kế toán trưởng |
| LNST: | Lợi nhuận sau thuế |
| QLCL: | Quản lý chất lượng |
| Tây Nam Đá Mài/TND: | Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin |
| Than Cao Sơn/TCS: | Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin |
| TKV: | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam |
| TSLĐ: | Tài sản lưu động |
| UBCKNN: | Uỷ ban chứng khoán Nhà nước |
| VĐL: | Vốn điều lệ |
| VND: | Việt Nam đồng |

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### *1.1. Lịch sử hình thành và phát triển*

Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin, trước đây là Xí nghiệp Xây dựng Mỏ than Cao Sơn, được thành lập ngày 06/06/1974 do Liên Xô thiết kế và xây dựng. Sau 8 năm xây dựng và

khai thác, ngày 26/05/1982, xí nghiệp phát triển thành Mỏ than Cao Sơn.

Đến ngày 16/10/2001, Mỏ than Cao Sơn được đổi tên thành Công ty than Cao Sơn. Theo thiết kế trước đây, trữ lượng than nguyên khai công nghiệp toàn mỏ là 70.235.000 tấn than, công suất mỏ là 2.000.000 tấn/năm. Theo thiết kế mới nhất của Công ty Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – TKV lập, Công ty khai thác đến độ sau -350 m so với mức thủy chuẩn với trữ lượng than nguyên khai công nghiệp: 137 triệu tấn, công suất khai thác than đạt từ 3.500.000 tấn/năm trở lên, đảm bảo chất lượng than ổn định, tận thu tối đa tài nguyên so với phương pháp khai thác hầm lò, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu theo chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 05/08/2006, Công ty chuyển thành Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV, nay là Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin, là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 02/01/2007, Công ty chính thức hoạt động theo cơ chế công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 5700101098 ngày 02/01/2007, thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2017, đăng ký tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh với tổng vốn điều lệ 268.467.730.000 đồng.

Ngày 21/11/2008, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Hà Nội với mã chứng khoán TCS.

### *1.2. Giới thiệu về Công ty:*

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn
- Tên giao dịch: Vinacomin – Caoson Coal Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VCASC
- Niêm yết tại: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
- Mã chứng khoán: TCS
- Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: (0-20) 3386 2337
- Fax: (0-20) 3386 3945
- Vốn điều lệ: 268.467.730.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng)*
- Giấy CNĐKKD số: Số 5700101098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/01/2007, thay đổi lần thứ 8, vào ngày 20/01/2017.
- Logo Công ty:

- Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty

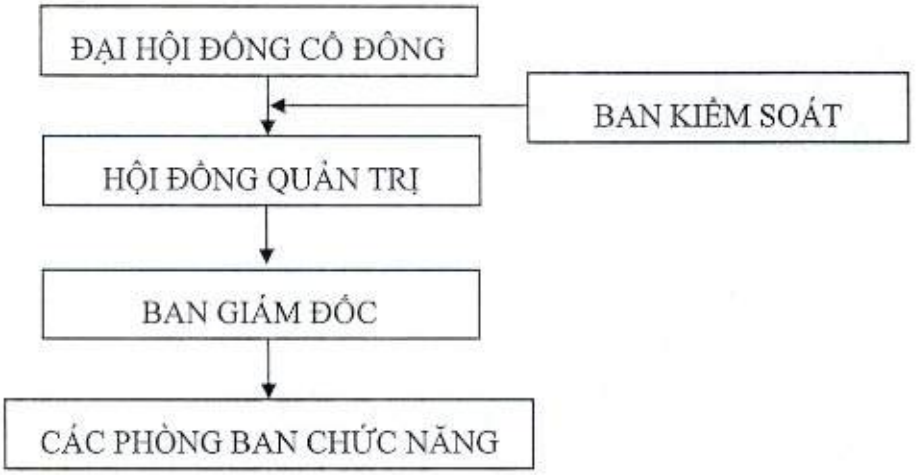


Cơ cấu tổ chức của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ tổ chức của doanh nghiệp.

## 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

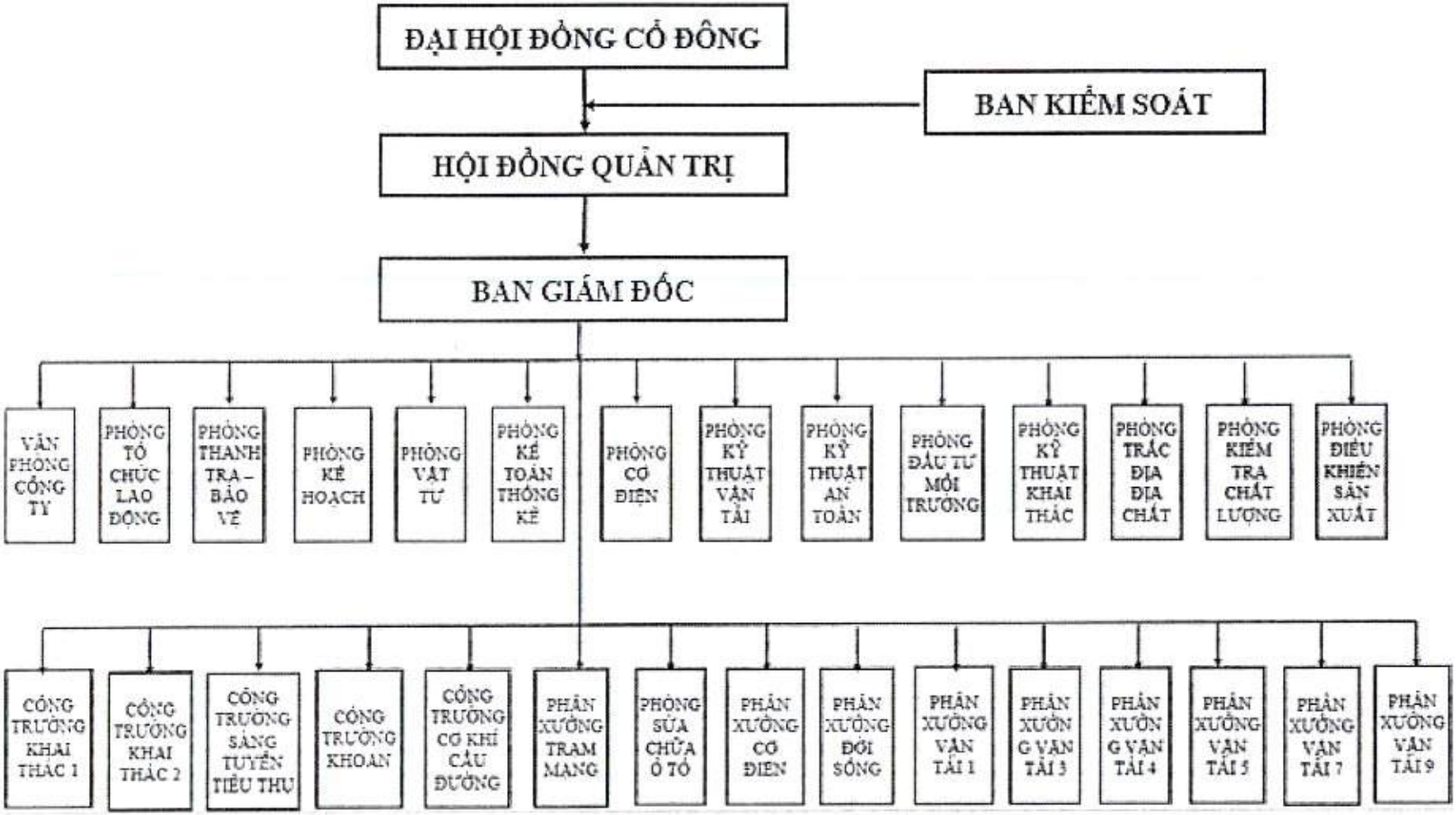
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG TY
PHÒNG TỔ CHỨC LAO ĐỘNG
PHÒNG THANH TRA – BẢO VỆ
PHÒNG KẾ HOẠCH
PHÒNG VẬT TƯ
PHÒNG KẾ TOÁN THỐNG KÊ
PHÒNG CƠ ĐIỆN
PHÒNG KỸ THUẬT VẬN TẢI
PHÒNG KỸ THUẬT AN TOÀN
PHÒNG ĐẦU TƯ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG KỸ THUẬT KHAI THÁC
PHÒNG TRẮC ĐỊA ĐỊA CHẤT
PHÒNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
PHÒNG ĐIỀU KHIỂN SẢN XUẤT
CÔNG TRƯỜNG KHAI THÁC 1
CÔNG TRƯỜNG KHAI THÁC 2
CÔNG TRƯỜNG SÀNG TUYỂN TIÊU THỤ
CÔNG TRƯỜNG KHOAN
CÔNG TRƯỜNG CƠ KHÍ CẦU ĐƯỜNG
PHÂN XƯỞNG TRẠM MẠNG
PHÒNG SỬA CHỮA Ô TÔ
PHÂN XƯỞNG CƠ ĐIỆN
PHÂN XƯỞNG ĐỜI SỐNG
PHÂN XƯỞNG VẬN TẢI 1
PHÂN XƯỞNG VẬN TẢI 3
PHÂN XƯỞNG VẬN TẢI 4
PHÂN XƯỞNG VẬN TẢI 5
PHÂN XƯỞNG VẬN TẢI 7
PHÂN XƯỞNG VẬN TẢI 9

**Đại hội đồng cổ đông:**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- Thông qua kết hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của kiểm toán viên;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hợp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**Ban kiểm soát:**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**Ban Giám đốc:**

Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nên Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất của Công ty, Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước Pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**Các phòng ban chức năng của Công ty**

Các phòng ban chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp, các quy định của Công ty, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông trên mức vốn thực góp hiện tại (tại ngày 05/6/2020).**

**- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại ngày 05/6/2020**

**BẢNG 1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên của Công ty tại ngày 20/11/2019**

| Stt | Cổ đông | Địa chỉ | Số CMND/ĐKKD | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam | 226 phố Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | 5700100256 | 17.450.403 | 65,00% |

*(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 05/6/2020 của Than Cao Sơn)*

- **Cơ cấu vốn cổ phần của TCS tại ngày 05/6/2020**

**BẢNG 2. Cơ cấu vốn cổ phần của TCS tại ngày 05/6/2020**

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Trong nước** | **3.612** | **25.481.405** | **94,91%** |
| | Cá nhân | 3.590 | 8.027.168 | 29,43% |
| | Tổ chức | 8 | 17.579.137 | 65,48% |
| **2** | **Nước ngoài** | **20** | **1.365.368** | **5,09%** |
| | Cá nhân | 14 | 113.579 | 0,42% |
| | Tổ chức | 6 | 1.251.789 | 4,66% |
| **3** | **Cổ phiếu quỹ** | - | - | - |
| | **Tổng cộng** | **3.616** | **26.846.773** | **100%** |

*Nguồn: Than Cao Sơn*

- **Danh sách cổ đông sáng lập: không có**

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.**

- **Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin**

| Stt | Tên công ty mẹ | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | Quyền biểu quyền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam | 226 phố Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Công nghiệp than; Công nghiệp khoáng sản- luyện kim; Vật liệu nổ công nghiệp; Công nghiệp điện | 65,00% | 65,00% |

*(Nguồn: CTCP Than Cao Sơn)*

- **Danh sách công ty con, công ty liên kết của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin: Không có.**

## 6. Giới thiệu quá trình tăng vốn của Công ty

**BẢNG 3. Quá trình tăng vốn của Công ty**

| Stt | Thời điểm tăng vốn | Giá trị vốn tăng thêm | Giá trị vốn sau khi tăng | Hình thức tăng vốn | Đơn vị chấp thuận |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 25/03/2011 | 49.992.290.000 | 149.992.290.000 | Chia cổ tức bằng cổ phiếu | Ủy ban chứng khoán nhà nước |
| 2 | 14/09/2016 | 118.475.440.000 | 268.467.730.000 | Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu | Ủy ban chứng khoán nhà nước |

*(Nguồn: CTCP Than Cao Sơn)*

## 7. Hoạt động kinh doanh của Công ty

### *7.1. Mô tả hoạt động kinh doanh của Công ty*

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là khai thác than từ mỏ lộ thiên và thực hiện khai thác than theo kế hoạch của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, bán số lượng than khai thác được cho Tập đoàn. Công ty chuyên sản xuất các loại than antraxit: than cục, than cám 1,2,3… đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ than trong nước và quốc tế.

***Thông tin về mỏ than của công ty:***

- Vỉa than 14-5 và 13-1 thuộc Mỏ than Cao Sơn
- Địa điểm: phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Diện tích khu vực khai thác: 4,87 $km^2$ (bốn phẩy tám mươi bảy kilomet vuông)
- Trữ lượng khai thác: 48.130.000 tấn than
- Trữ lượng mỏ than còn lại: 13.311.873 tấn
- Công suất khai thác:

+ Năm 2009-2021: 3.500.000 tấn than nguyên khai/năm

+ Năm 2022: 2.630.000 tấn than nguyên khai

- Thời hạn Giấy phép khai thác: đến hết năm 2022
- Phương pháp khai thác: Phương pháp lộ thiên đến cốt -190m

*7.2. Doanh thu, lợi nhuận gộp qua các năm*

**BẢNG 4. Cơ cấu doanh thu của Than Cao Sơn năm 2018, 2019 và 3T/2020**

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | | Năm 2019 | | 3T/2020 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) |
| Doanh thu bán thành phẩm | 4.554.335 | 96,86 | 6.005.382 | 96,94 | 1.418.956 | 97,56 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 147.824 | 3,14 | 189.275 | 3,06 | 35.498 | 2,44 |
| **Tổng cộng** | **4.702.159** | **100** | **6.194.658** | **100** | **1.454.454** | 100 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC tự lập Q1/2020 của Than Cao Sơn*

**BẢNG 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Than Cao Sơn năm 2018, 2019 và 3T/2020**

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | | Năm 2019 | | Quý 1/2020 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) |
| Lợi nhuận gộp bán thành phẩm | 302.883 | 101,15 | 304.375 | 99,68 | 66.257 | 96,17 |
| Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ | 113 | 0,04 | 2.807 | 0,92 | 815 | 1,18 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (3.549) | (1,19) | (1.824) | (0,60) | 1.824 | 2,65 |
| **Tổng cộng** | **229.447** | **100** | **305.358** | **100** | 68.896 | 100 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC tự lập Q1/2020 của Than Cao Sơn*

***7.3. Báo cáo hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ chính của tổ chức chào bán.***

Công ty thực hiện công tác đầu tư theo kế hoạch Tập đoàn TKV duyệt hàng năm trên cơ sở cân đối năng lực thiết bị hiện có và nhu cầu phục vụ sản xuất thực tế đảm bảo hoàn thành kế hoạch

sản lượng theo hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn. Các dự án đầu tư chủ yếu là đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cải tạo mở rộng công suất mỏ, phần mềm thiết bị phục vụ quản lý …. Giá trị đầu tư năm 2018 thực hiện 235 tỷ đồng; năm 2019 thực hiện 115 tỷ đồng. Các dự án đầu tư hoàn thành đều phát huy hiệu quả đáp ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, 2019 Công ty thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tiêu thụ than của TKV, vượt lợi nhuận, tình hình tài chính ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

### *7.4. Hoạt động Marketing*

Công ty là đơn vị sản xuất và tiêu thụ than theo kế hoạch do Tập đoàn TKV điều phối: bán và giao than cho CTCP Tuyển than Cửa Ông – TKV, bán và giao than tại cảng Công ty. Các khách hàng và thị trường của Công ty do Tập đoàn trực tiếp ký hợp đồng, Công ty khai thác và giao than theo kế hoạch do Tập đoàn điều phối và sẽ được thanh toán tiền bán than theo từng kỳ. Do đó, Công ty chưa triển khai các hoạt động Marketing.

### *7.5. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ*

Logo Công ty:

**Ý nghĩa logo của Công ty:** Hình tròn, viền màu vàng, phía trong có 2 vòng tròn. Vòng tròn ngoài màu xanh nước biển thẫm, có chữ CÔNG TY THAN CAO SƠN màu vàng ở nửa bên dưới. Ngôi sao vàng 5 cánh thể hiện Công ty Than Cao Sơn là một điểm sáng. Vòng tròn trong được chia 2 nửa đều nhau. Nửa trên được chia đều 3 phần cân đối, viền vàng cách điệu ngọn lửa truyền thống công nhân vùng mỏ thể hiện sự đồng tâm, đoàn kết. Nửa hình tròn phía dưới có chữ cái CS màu đỏ viền vàng, nằm giữa 5 vạch lớn màu xanh nước biển thẫm có viền vàng theo hình bậc thang xung quanh màu xanh da trời nhạt thể hiện công nghệ khai thác moong, bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững.

## 8. Danh sách các hợp đồng lớn của Công ty đã và đang thực hiện trong thời gian vừa qua

**BẢNG 6. Danh sách các hợp đồng lớn của Công ty đã và đang thực hiện trong thời gian vừa qua**

| TT | Hợp đồng | Giá trị HĐ (Tỷ. đồng) | Thời điểm ký kết | Thời gian TH hợp đồng | Sản phẩm/Nội dung HĐ | Đối tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 7387 | 55 | 29/12/2017 | 2018 | Thuê vận chuyển đất | Công ty cổ phần Hoa Sơn |

| TT | Hợp đồng | Giá trị HĐ (Tỷ. đồng) | Thời điểm ký kết | Thời gian TH hợp đồng | Sản phẩm/Nội dung HĐ | Đối tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | đá thải năm 2018 | |
| 2 | 7383 | 272 | 29/12/2017 | 2018 | Thuê vận chuyển đất đá thải năm 2018 | Nhà thầu liên danh Công ty CP CN Tấn Tiến, Công ty Cp Hàng Hải Quảng Hưng, và Công ty CP Nam đông Sơn |
| 3 | 04 | 1.501 | 31/12/2017 | 2018 | Mua bán than mỏ năm 2018 | Công ty Kho Vận và cảng Cẩm Phả- Vinacomin |
| 4 | 05 | 3.503 | 2/1/2018 | 2018 | Mua bán than mỏ năm 2018 | Công ty Tuyển Than Cửa Ông-TKV |
| 5 | 002 | 3.665 | 2/1/2019 | 2019 | Mua bán than mỏ năm 2019 | Công ty Tuyển Than Cửa Ông-TKV |
| 6 | 04 | 2.104 | 31/12/2018 | 2019 | Mua bán than mỏ năm 2019 | Công ty Kho Vận và cảng Cẩm Phả- Vinacomin |
| 7 | 554 | 34 | 1/2/2018 | 2018 | Lốp ô tô 27,00+24,00 | Công ty CP Xuất Nhập Khẩu - Vinacomin (coalmex) |
| 8 | 1490 | 77 | 30/3/2018 | 2018 | Thuê vận chuyển đất đá thải năm 2018 | Công ty cổ phần Hoa Sơn |
| 9 | 1504 | 30 | 31/3/2018 | 2018 | Thuê chế biến, sản xuất than sạch từ SPNT năm 2018 | Nhà thầu liên danh Công ty TNHH 25-10, Công ty Cp Ngọc Long. |
| 10 | 5029 | 175 | 6/9/2018 | 2018 | Thuê vận chuyển đất đá thải năm 2018 | Nhà thầu liên danh Công ty CP CN Tấn Tiến, Công ty Cp Hàng Hải Quảng Hưng, và Công ty CP Nam đông Sơn |
| 11 | 7326 | 910 | 28/12/2018 | 2019 | Thuê vận chuyển đất đá thải năm 2019 | Nhà thầu liên danh Công ty CP CN Tấn Tiến, Công ty Cp Hàng Hải Quảng Hưng, và Công ty CP Nam đông Sơn, Công ty CP Hoa Sơn |
| 12 | 335 | 59 | 17/1/2019 | 2019 | Thuê chế biến, sản xuất than sạch từ SPNT năm 2019 | Nhà thầu liên danh Công ty TNHH 25-10, Công ty Cp Ngọc Long. |
| 13 | 2351 | 32 | 16/5/2019 | 2019 | Lốp ô tô 27,00+24,00 | Công ty TNHH thương mại dịch vụ & xây dựng Phương Thảo |

*Nguồn: Than Cao Sơn*

## 9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

### *9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017, 2018 và 9 tháng đầu năm 2019*

**BẢNG 7. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018, năm 2019 và 3 tháng đầu năm 2020**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2018 | 2019 | % tăng/giảm | Q1/2020 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 2.293.269 | 1.849.724 | (19,34%) | 1.982.096 |
| Doanh thu thuần | 4.702.160 | 6.194.658 | 31,74% | 1.454.454 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 80.454 | 101.932 | 26,70% | 14.993 |
| Lợi nhuận khác | 9.668 | 6.018 | (37,75%) | 1.056 |
| Lợi nhuận trước thuế | 90.121 | 107.950 | 19,78% | 16.049 |
| Lợi nhuận sau thuế | 70.565 | 84.893 | 20,30% | 12.716 |
| Tỷ lệ trả cổ tức | 10% | 5% | (-5%) | - |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC tự lập Quý 1/2020 của Than Cao Sơn*

Trong năm 2018, tổng tài sản của Công ty tăng đáng kể so với năm 2017 với tốc độ tăng gần 22%, từ 1.884 tỷ đồng lên 2.293 tỷ đồng, cụ thể là do các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 2.28 tỷ lên 483.11 tỷ từ 2 khách hàng là Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin và Công ty Tuyển than Cửa Ông – TKV. Cùng với đó, trong năm 2018, doanh thu thuần cũng tăng trưởng với mức tăng 17,58%, đạt 2.293 tỷ đồng.

Trong năm 2019, tổng tài sản của doanh nghiệp đạt 1.849 tỷ đồng, giảm gần 20% so với năm 2018, tuy nhiên trong năm doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu đạt 6.195 tỷ đồng, với mức tăng 31,74% so với năm 2018. Theo đó, lợi nhuận từ HĐKD và lợi nhuận sau thuế năm 2019 lần lượt là 101,93 tỷ đồng và 84,89 tỷ đồng, tăng lần lượt 26,70% và 20,30% so với năm 2018.

### *9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần đây*

- **Thuận lợi**
  - Do ngành than đóng vai trò là ngành kinh tế trọng điểm cung cấp nhiên liệu hoạt động cho hầu hết các ngành đặc biệt là điện, phân bón, xi măng… chính vì vậy, cho thấy đầu ra của ngành than tương đối ổn định. Với sự khan hiếm về nguồn cung, đã tạo nên những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp ngành Than nói chung và Công ty nói riêng.
  - Thời tiết ít mưa thuận lợi cho hoạt động khai thác than lộ thiên của Công ty

- Hệ thống băng tải của Công ty hoạt động tương đối ổn định
- Công tác tiêu thụ than của TKV thuận lợi nên hàng tháng than sản xuất Công ty được giao nộp hết, giảm chi phí pha trộn và lưu kho bãi.
- TKV đã bổ sung tiền lương và có cơ chế khuyến khích giá đối với những tấn than giao vượt kế hoạch để Công ty bổ sung tiền lương cho lao động. Chính vì vậy, thu nhập bình quân của người lao động tăng so với cùng kỳ năm trước, động viên cán bộ công nhân viên làm việc hiệu quả hơn.

- **Khó khăn**
  - Việc quản lý khai thác than còn nhiều khe hở, công tác quản lý an toàn khai thác, an toàn lao động cần được nâng cao.
  - Do sản lượng khai thác than tăng cao và vượt mức kế hoạch đã gây ra áp lực lớn lên tổ chức sản xuất.
  - Việc hạn chế về trình độ công nghệ thăm dò, phương pháp đánh giá dẫn đến chi phí đầu tư lớn, sai số cao và độ tin cậy thấp. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng còn hạn chế nên đòi hỏi doanh nghiệp cần có nguồn đầu tư lớn để tu sửa.

## 10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### *10.1. Vị thế của Công ty trong ngành*

- **Lợi thế tiềm năng khai thác than giai đoạn 2:**

Trữ lượng mỏ than lớn còn nhiều dư địa để khai thác: Mỏ than Cao Sơn được đánh giá là một trong những mỏ than lộ thiên có trữ lượng than dồi dào của Việt Nam với chất lượng than đạt tiêu chuẩn cao. Hiện nay, thời hạn Giấy phép khai thác của Than Cao Sơn đối với mỏ than này sẽ kéo dài đến hết 2022 với tổng trữ lượng còn lại tại Giấy phép là hơn 13,3 triệu tấn.

Theo quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 thì giai đoạn sau năm 2020, tại phần sâu của mỏ Cao Sơn hiện tại (từ mức -190 trở xuống) sẽ hình thành Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn với các thông số dự kiến như sau:

- Công suất 4,5 triệu tấn/năm (theo than nguyên khai)
- Trữ lượng tài nguyên trong ranh giới các giấy phép khai thác là 131.265 nghìn tấn
- Thời gian thực hiện xây dựng: năm 2021 – 2027
- Thời gian tồn tại của mỏ: Hết năm 2039
- Tiến độ thực hiện: chưa lập dự án khai thác và chưa được nhà nước cấp phép

- **Một trong những doanh nghiệp đóng góp lượng doanh thu lớn cho Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam**

Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin luôn duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong sản xuất và tiêu thụ than tại Việt Nam: Doanh nghiệp là một trong những công ty con đóng góp lượng doanh thu lớn cho Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Trong năm 2018, tổng sản lượng tiêu thụ của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin đạt hơn 3,25 triệu tấn, đóng góp hơn 8% tổng sản lượng tiêu thụ của toàn Tập đoàn.

**BẢNG 8. Bảng so sánh sản lượng than sản xuất và tiêu thụ của Than Cao Sơn so với các doanh nghiệp trong cùng Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam năm 2018**

| Công ty | Than Cao Sơn | Tây Nam Đá Mài | Than Đèo Nai | Than Cọc Sáu |
|---|---|---|---|---|
| Sản xuất (Tấn) | 3.304.806 | 1.429.000 | 2.110.000 | 2.605.986 |
| Tiêu thụ (Tấn) | 3.257.074 | 1.743.000 | 2.128.000 | 2.616.572 |

*Nguồn: Báo cáo thường niên của các doanh nghiệp*

**BẢNG 9. Sản lượng than sản xuất và tiêu thụ của Than Cao Sơn từ 2016-2019**

| Năm | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
|---|---|---|---|---|
| Than sản xuất (Tấn) | 3.254.558 | 3.109.389 | 3.304.806 | 3.850.000 |
| Than tiêu thụ (Tấn) | 3.226.758 | 3.024.056 | 3.257.074 | 3.759.000 |

*Nguồn: Báo cáo thường niên CTCP Than Cao Sơn*

- **Áp dụng khoa học – công nghệ vào trong công tác quản lý và sản xuất**

Doanh nghiệp đạt hiệu quả trong việc áp dụng Khoa học – Công nghệ vào trong công tác quản lý và sản xuất: Trong năm 2018, doanh nghiệp đã thành công trong việc giải quyết bài toán vận chuyển đất thải ra bãi thải Bàng Nâu dài hơn 5km bằng hệ thống băng tải vận chuyển đất đá. Sự đổi mới trong khoa học kỹ thuật đã giúp cho doanh nghiệp tăng bảo vệ môi trường, cắt giảm đáng kể lượng chi phí vận chuyển bằng ô tô, chi phí nhiên liệu, chi phí làm đường vận chuyển, chi phí tưới nước dập bụi, san gạt bãi thải.

Đồng thời hiện nay khai thác than càng ngày càng khó khăn, xuống sâu hơn xa hơn khiến gia tăng chi phí khai thác, cùng với đó là hệ số đất, cung độ vận chuyển đã tăng rất nhiều lần, nên việc áp dụng công nghệ tiên tiến giúp cho Than Cao Sơn đạt được hiệu quả hơn trong công tác khai thác cũng như quản lý.

### *10.2. Triển vọng phát triển của ngành*

Tính trong cả nước, năm 2019 có hơn 100 doanh nghiệp hoạt động trong ngành than trong đó các công ty dẫn đầu về sản lượng sản xuất gồm Vinacomin, Vietmindo, Tổng công ty Đông Bắc... Việc cung ứng than cả nước chủ yếu do TKV đảm nhiệm. Hàng năm, Tập đoàn ký hợp đồng giao thầu cho các công ty con và các doanh nghiệp tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh để quản lý tài nguyên và thực hiện các công đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác, sàng, tuyển, chế biến.

Hiện nay, than cũng như các khoáng sản khác đang ngày càng trở nên khan hiếm, trữ lượng than trong nước khai thác không đủ để đáp ứng nhu cầu. chính vì vậy xu hướng nhập khẩu than ngày càng gia tăng. Việt Nam bắt đầu nhập khẩu than từ năm 2013, trong đó, Indonesia hiện đang là quốc gia cung cấp hơn 50% sản lượng than nhập khẩu của Việt Nam do có lợi thế về địa lý và giá thành.

Nhu cầu tiêu thụ than trong nước đang có chiều hướng tăng trưởng do hầu hết các ngành công nghiệp sử dụng than là nguyên liệu như: điện, xi măng, phân bón đều đẩy mạnh sản xuất. Hiện

nay ngành điện đang là khách hàng lớn nhất của các doanh nghiệp than nội địa, tiêu thụ hơn 70% tổng sản lượng than tiêu thụ trong nước.

Với tiềm năng hạn chế về thủy điện và nguồn khí đốt tại Việt Nam, vai trò của nhiệt điện chạy bằng than ngày càng tăng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ than ngày càng lớn. Hiện nay, nhu cầu than anthracite cho 24 nhà máy nhiệt điện của EVN, PVN và TKV đã lên tới hơn 40 triệu tấn/năm. Theo dự báo trong Quy hoạch điều chỉnh "Quy hoạch phát triển ngành Than Việt Nam đến 2020, có xét triển vọng 2030" (phê duyệt theo Quyết định số 403/2016/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ) nhu cầu nhu cầu than của nền kinh tế quốc dân ngày càng tăng cao, với tốc độ tăng trưởng kép CAGR khoảng 7,5%/năm.

Dự báo nhu cầu than của nền kinh tế và nhu cầu than cho sản xuất điện trong giai đoạn 2020-2030:

| Nội dung/Năm | 2020 | 2025 | 2030 |
|---|---|---|---|
| Nhu cầu than của nền kinh tế (Triệu tấn) | 86,4 | 121,5 | 156,6 |
| Nhu cầu than cho sản xuất điện (Triệu tấn) | 64,1 | 96,5 | 131,1 |

### *10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới*

Ngành than là một ngành quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Đóng góp vào công cuộc phát triển chung, CTCP Than Cao Sơn không ngừng đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp than cho toàn khu vực Miền Bắc, thể hiện qua số liệu than thu mua, than tiêu thụ và giá trị sản xuất tăng đều qua các năm. Ngoài ra, Công ty thường xuyên nghiên cứu và triển khai các dự án đầu tư, góp vốn, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Với tầm nhìn xa trong hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

## 11. Chính sách đối với người lao động

**BẢNG 10. Số lượng người lao động trong CTCP Than Cao Sơn tính đến thời điểm 31/3/2020**

| STT | TIÊU CHÍ | SỐ LƯỢNG | TỶ LỆ % |
|---|---|---|---|
| 1 | **Phân theo loại hợp đồng lao động** | | |
| | HĐLĐ không xác định thời hạn | 2.403 | 99,79% |
| | Lao động thuộc diện không ký HĐLĐ | 5 | 0,21% |
| 2 | **Phân theo trình độ học vấn** | | |
| | Đại học và trên đại học | 542 | 22,51% |
| | Trung cấp | 93 | 3,86% |
| | Công nhân, khác | 1.773 | 73,63% |

| STT | TIÊU CHÍ | SỐ LƯỢNG | TỶ LỆ % |
|---|---|---|---|
| | **Tổng số lao động** | **2.408** | **100%** |

*(Nguồn: Danh sách lao động chốt ngày 31/3/2020 của Than Cao Sơn)*

**Chính sách đối với người lao động của CTCP Than Cao Sơn:**

- Thực hiện trả lương lũy tiến cho công nhân vận hành, trả lương theo giờ theo đúng quy chế đã ban hành.
- Các chế độ về ăn ca, bồi dưỡng độc hại đều được Công ty thực hiện đúng theo các quy định hướng dẫn của nhà nước, của Tập đoàn và được quy định cụ thể trong quy chế, quy định quản lý của Công ty đã ban hành. Ngoài ra Công ty còn thường xuyên thăm hỏi động viên giúp đỡ những gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, các gia đình công nhân gặp tai nạn lao động vào dịp lễ tết, ủng hộ các quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh…

## 12. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ. Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Tỷ lệ trả cổ tức một số năm gần đây như sau:

| Năm | 2017 | 2018 | 2019 |
|---|---|---|---|
| Tỷ lệ trả cổ tức | 3% bằng tiền mặt (theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2018) | 10% bằng tiền mặt (theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019) | 5% bằng tiền mặt (theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020) |

## 13. Tình hình hoạt động tài chính

### *13.1. Các chỉ tiêu cơ bản*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

- **Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

**BẢNG 11. Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|
| Vốn điều lệ (*) | 268.468 | 268.468 | 268.468 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|
| Quỹ đầu tư phát triển | 348 | 348 | 348 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 70.566 | 84.893 | 97.608 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | - | - | - |
| Nợ phải trả | 1.953.888 | 1.496.015 | 1.615.672 |
| **Tổng nguồn vốn** | **2.293.269** | **1.849.724** | **1.982.096** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC tự lập Quý 1/2020 của Than Cao Sơn*

- **Trích khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng 04 - 06 năm

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với TSCĐ hữu hình là máy móc trang thiết bị, phương tiện vận tải với hệ số trích khấu hao nhanh là 2 lần. Ước tính số chi phí ghi nhận trong năm 2018 tăng thêm do việc trích khấu hao nhanh đã nêu là 120.771.646.623 đồng.

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Theo BCTC của Công ty, các khoản nợ của TCS đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả phải nộp khác được TCS thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

Theo BCTC của Công ty, các khoản nợ của TCS đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả phải nộp khác được TCS thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

- **Trích lập các quỹ**

Việc trích lập các quỹ sẽ được TCS lập và duy trì phù hợp với Điều Lệ và quy định pháp luật hiện hành.

**BẢNG 12. Trích lập các quỹ của Công ty**

*Đơn vị: đồng*

| Stt | Các quỹ | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Quỹ Đầu tư phát triển | 347.757.112 | 347.757.112 | 347.757.112 |
| | **Tổng cộng** | **347.757.112** | 347.757.112 | **347.757.112** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC tự lập Quý 1/2020 của Than Cao Sơn*

- **Tổng dư nợ vay ngân hàng**

Bảng dưới đây thể hiện các khoản vay và nợ ngắn hạn của TCS tại thời điểm 2017, 2018 và 31/3/2020:

**BẢNG 13. Tổng dư nợ vay ngân hàng của TCS tại tại thời điểm 2018, 2019 và 31/03/2020**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|
| Vay ngắn hạn | 529.527 | 473.778 | 335.243 |
| Vay dài hạn | 429.186 | 269.547 | 225.905 |
| **Tổng cộng** | **958.713** | **743.325** | **561.148** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC tự lập Quý 1/2020 của Than Cao Sơn*

- **Tình hình công nợ hiện nay**

**BẢNG 14. Các khoản phải thu của TCS từ 2018 – 31/03/2020**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|---|
| | **Phải thu ngắn hạn** | **495.951** | **388.942** | **526.007** |
| 1 | Phải thu ngắn hạn khách hàng | 483.107 | 378.108 | 513.085 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 1.299 | 997 | 1.839 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 11.545 | 9.838 | 11.082 |
| | **Phải thu dài hạn** | **74.733** | **82.664** | **88.819** |
| 1 | Phải thu dài hạn khác | 74.733 | 82.664 | **88.819** |
| | **Tổng** | **570.684** | **471.606** | **614.826** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC tự lập Quý 1/2020 của Than Cao Sơn*

**BẢNG 15. Các khoản phải trả từ 2018-31/03/2020**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|---|
| | **Nợ ngắn hạn** | **1.521.707** | **1.223.722** | **1.387.082** |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 552.500 | 459.463 | 351.598 |

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Người mua trả tiền trước | - | - | - |
| 3 | Thuế và khoản phải nộp Nhà nước | 90.567 | 154.854 | 91.380 |
| 4 | Phải trả người lao động | 88.875 | 89.699 | 63.879 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 289 | 18 | 176.575 |
| 6 | Phải trả phải nộp ngắn hạn khác | 231.917 | 2.740 | 201.854 |
| 7 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 529.527 | 473.778 | 335.243 |
| 8 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | 141.910 |
| 9 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 28.031 | 43.168 | 24.640 |
| | **Nợ dài hạn** | **432.181** | **272.294** | **228.589** |
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 429.186 | 269.547 | 225.905 |
| 2 | Dự phòng phải trả dài hạn | 2.996 | 2.747 | 2.684 |
| | **Tổng** | **1 .953.88** | **1.496.016** | **1.615.672** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC tự lập Quý 1/2020 của Than Cao Sơn*

### *13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

**BẢNG 16. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Các chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|---|---|---|
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | Lần | 0,62 | 0,64 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | Lần | 0,41 | 0,40 |
| **2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,85 | 0,81 |

| Các chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|---|---|---|
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 5,68 | 4,23 |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | Vòng | 14,68 | 21,22 |
| (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân) | | | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Vòng | 2,05 | 3,35 |
| **4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | | 1,5% | 1,4% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | | 21% | 24% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | | 3% | 5% |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | | 1,70% | 1,6% |
| + Thu nhập trên cổ phần (EPS) | | 2.628 | 3.162 |

## 14. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

**BẢNG 17. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| **I** | **Hội đồng quản trị** | |
| 1 | Vũ Văn Khẩn | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Phạm Thành Đông | Ủy viên HĐQT |
| 3 | Phạm Hồng Lương | Ủy viên HĐQT |
| 4 | Trần Tuấn Anh | Ủy viên HĐQT |
| **II** | **Ban kiểm soát** | |
| 1 | Lê Thị Kim Dung | Trưởng BKS |
| 2 | Nguyễn Thị Bích Hải | Ủy viên BKS |
| 3 | Nguyễn Duy Tiến | Ủy viên BKS |
| **III** | **Ban Giám đốc** | |
| 1 | Phạm Thành Đông | Giám đốc |
| 2 | Nguyễn Văn Sinh | Phó Giám đốc |
| 3 | Mai Huy Giáp | Phó Giám đốc |

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 4 | Phạm Quốc Việt | Phó Giám đốc |
| **IV** | **Kế toán trưởng** | |
| 1 | Trần Tuấn Anh | Kế toán Trưởng |

*14.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị*

- **Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Vũ Văn Khẩn**

1. Họ và tên: Vũ Văn Khẩn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 16/08/1968
4. Nơi sinh: Tân Phong, Vũ Thư, Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 4, Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh
7. Chứng minh thư nhân dân số: 034068001414 Nơi cấp: Cục CSĐKQLDLQGDC Ngày cấp: 291712015
8. Điện thoại liên hệ: Di động 0912108420
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài;

12. Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1990- 2008 | CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin | Kỹ thuật viên, cán bộ kỹ thuật, phó trưởng phòng, Quản đốc |
| 2008 – 2020 | CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin | Phó giám đốc |
| 02/2020 đến nay | CTCP Than Cao Sơn, CTCP Tây Nam Đá Mài | Chủ tịch HĐQT |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành: Không

- Sở hữu cá nhân: 0
- Sở hữu đại diện:0
- Sở hữu của người có liên quan: 0

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: 0
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao HĐQT
18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

- **Ủy viên Hội đồng Quản trị - Ông Phạm Thành Đông**

1. Họ và tên: Phạm Thành Đông

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh:01/6/1961

4. Nơi sinh: Thái Giang, Thái Thụy, Thái Bình

5. Quốc tịch:Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Căn hộ 1, C2T2, K80A Vĩnh phúc, Ba Đình, Hà Nội.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 100983012 Nơi cấp: CA Quảng Ninh. Ngày cấp: 16/3/2005.

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0913251765

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| Từ tháng 4/1985 ÷ 4/1994 | Mỏ than Đèo Nai | Nhân viên Phòng KTKT |
| Từ tháng 5/1994 ÷ 01/2002 | Mỏ than Đèo Nai | Phó Phòng KTKT |
| Từ tháng 2/2002 ÷ 03/2002 | Công ty than Đèo Nai | Trợ lý giám đốc |
| Từ tháng 4/2002 ÷ 3/2010 | Công ty CP than Đèo Nai | Phó giám đốc |
| Từ tháng 4/2010 ÷ 24/10/2016 | Công ty CP than Đèo Nai | Giám đốc |
| Từ 25/10/2016 đến nay | Công ty CP than Cao Sơn-Vinacomin | Ủy viên HĐQT- Giám đốc |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành: Không

- Sở hữu cá nhân: 0
- Sở hữu đại diện:0
- Sở hữu của người có liên quan: 0

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: 0

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao HĐQT

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

- **Ủy viên Hội đồng Quản trị - Ông Phạm Hồng Lương**

1. Họ và tên: Phạm Hồng Lương

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: Ngày 24 tháng 10 năm 1960

4. Nơi sinh: Xã Kim Tân, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương

5. Quốc tịch:Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 3, Khu Cao Sơn 3, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

7. Chứng minh thư nhân dân số: 100989909 Nơi cấp: CA Quảng Ninh. Ngày cấp: 22/8/2015.

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0912 524 275

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Ủy viên HĐQT- Bí thư đảng ủy Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác

| *Thời gian* | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| Từ tháng 3/1983 ÷ 9/1998 | Mỏ than Cao Sơn | Công nhân vận hành xúc |
| Từ tháng 10/1998 ÷ 10/1999 | Mỏ than Cao Sơn | Quyền Phó phòng thi đua văn thể. |
| Từ tháng 11/1999 ÷ 7/2000 | Mỏ than Cao Sơn | Phó phòng thi đua văn thể. |
| Từ tháng 8/2000 ÷ 9/2000 | Mỏ than Cao Sơn | Cán bộ chuyên trách Đảng, Phó ban tuyên giáo đảng ủy |
| Từ tháng 10/2000 ÷ 9/2002 | Công ty than Cao Sơn | Cán bộ chuyên trách Đảng Trưởng ban tuyên giáo |
| Từ tháng 10/2002 ÷ 4/2008 | Công ty than Cao Sơn | Cán bộ chuyên trách Đảng Trưởng ban tuyên giáo, Trưởng ban thi đua tuyên truyền. |
| Từ tháng 4/2008 ÷ 5/2008 | Công ty CP than Cao Sơn | Quản đốc CT Khai thác 1 |
| Từ tháng 5/2008 ÷ 5/2010 | Công ty CP than Cao Sơn | Trưởng ban tuyên giáo, Trưởng ban, Trưởng phòng thi đua tuyên truyền. |
| Từ tháng 5/2010 ÷ 3/2012 | Công ty CP than Cao Sơn | Bí thư đảng ủy Công ty |
| Từ tháng 4/2012 đến nay | Công ty CP than Cao Sơn- Vinacomin. | Bí thư đảng ủy - UV HĐQT Công ty |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 2.566 cổ phần
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*): Không

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao HĐQT

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

- **Ủy viên Hội đồng Quản trị - Ông Trần Tuấn Anh**

1. Họ và tên: Trần Tuấn Anh

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: Ngày 24 tháng 02 năm 1972

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch:Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Căn hộ 2023, chung cư Royal, 72 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 011594766 Nơi cấp: CA Hà Nội. Ngày cấp: 27/7/2007.

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0932 466 688

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Ủy viên Hội đồng quản trị; Kế toán Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác

| *Thời gian* | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| Từ tháng 10/1994 ÷ 5/2000 | Ban quản lý công trình khu vực than Nội địa | Nhân viên Kế toán, Phòng Kế toán |
| Từ tháng 6/2000 ÷ 2/2008 | Ban quản lý dự án Than Việt Nam | Phụ trách Phòng Kế toán |
| Từ tháng 3/2008 ÷ 2/2012 | Ban QL dự án đồng bằng Sông hồng | Trưởng phòng Kỹ thuật |
| Từ tháng 3/2012 ÷ 15/12/2015 | Tập đoàn CN Than Khoáng sản VN | Phó phòng Ban kế toán |
| Từ tháng 15/12/2015 ÷ 2/2016 | Tập đoàn CN Than Khoáng sản VN | Trưởng phòng Ban kế toán |
| Từ tháng 3/2016 ÷ 3/2017 | Công ty CP than Cao Sơn Vinacomin | Kế toán trưởng Công ty |
| Từ 4/2017 đến nay | Công ty CP than Cao Sơn Vinacomin | UV HĐQT, Kế toán trưởng |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành: Không

- Sở hữu cá nhân: 0
- Sở hữu đại diện: 0
- Sở hữu của người có liên quan: 0

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao HĐQT

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

### *14.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát*

- **Trưởng Ban kiểm soát – Bà Lê Thị Kim Dung**

1. Họ và tên: Lê Thị Kim Dung

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: Ngày 12 tháng 08 năm 1972

4. Nơi sinh: Mỹ Đồng, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng

5. Quốc tịch:Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 7 Khu 5A, Phường Cẩm Trung, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 100502268 Nơi cấp: Công An Tỉnh Quảng Ninh. Ngày cấp: 22/8/2006.

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0912380569

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Phó Trưởng ban Kiểm soát nội bộ- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.
- Trưởng ban Kiểm soát- Công ty cổ phần Địa chất mỏ-TKV
- Trưởng ban Kiểm soát- Công ty cổ phần Địa chất và Khoáng sản -Vinacomin
- Kiểm soát viên Viện Cơ khí Năng lượng và mỏ- Vinacomin
- Kiểm soát viên Bệnh viện Than – Khoáng sản

12. Quá trình công tác

| *Thời gian* | Chức vụ, đơn vị công tác |
|---|---|
| Từ tháng 6/1992 đến tháng 9/1998 | Là nhân viên kế toán – Phòng Kế Toán Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản |
| Từ 20/10/1998 đến tháng 4/2003 | Là Phó phòng kế toán Công ty Địa chất và KTKS |
| Từ 01/5/2003 đến tháng 10/2010 | Là Kế toán trưởng Công ty Địa chất mỏ- UV BCH Đảng bộ công ty |
| Từ tháng 01/11/2010 đến 31/12/2015 | Là Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV, UV BCH Đảng bộ công ty, Bí thư chi bộ Nghiệp vụ |
| Từ tháng 01/01/2016 đến 09/9/2019 | Là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Địa chất mỏ - TKV, UV BCH Đảng bộ công ty, Bí thư chi bộ Nghiệp vụ II |
| Từ tháng 9/2019 đến nay | Là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Địa chất mỏ - TKV, UV BCH Đảng bộ công ty |
| Từ 01/11/2019 đến nay | Là Phó trưởng ban KSNB - Tập đoàn CN Than KS Việt Nam, Trưởng ban KS Công ty CP Địa chất và KS-Vinacomin; TBKS Công ty CP Địa chất mỏ-TKV; Kiểm soát viên Viện Cơ khí Năng Lượng và Mỏ; KSV Bệnh viện Than Khoáng sản |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành: 2.450 cổ phần

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần TCS
- Sở hữu đại diện: 0
- Sở hữu của người có liên quan: 0

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao Ban kiểm soát

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

- **Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Bích Hải**

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hải

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: Ngày 08 tháng 10 năm 1966

4. Nơi sinh: Hòa Bình, Bình Lục, Nam Hà

5. Quốc tịch:Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 04 ngõ 376, tổ 2 khu 1B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 100415342 Nơi cấp: CA Quảng Ninh. Ngày cấp: 15/4/2005.

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0942 725 555

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Thành viên Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác

| *Thời gian* | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| Từ tháng 02/1984 ÷ 3/1990 | Xí nghiệp Vận tải ô tô Cẩm Phả | Kế toán ngành ăn |
| Từ tháng 4/1990 ÷ 12/1998 | Mỏ than Cao Sơn | Nhân viên kinh tế PXCB |
| Từ tháng 01/1999 ÷ 1/2006 | Công ty than Cao Sơn | Nhân viên phòng Kế toán tài chính |
| Từ tháng 2/2006 ÷ 12/2008 | Công ty than Cao Sơn | Phó phòng Kế hoạch |
| Từ tháng 1/2009 ÷ 12/2011 | Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin | Phó phòng Kế toán tài chính |
| Từ tháng 01/2012 ÷ 11/2014 | Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin | Phó phòng Dự án |
| Từ tháng 12/2014 ÷ 9/2015 | Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin | Phó phòng Đầu tư, môi trường |
| Từ tháng 10/2015 ÷ 3/2007 | Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin | Phó phòng Kế toán tài chính |

| | | |
|---|---|---|
| Từ 4/2017 đến nay | Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin | Thành viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Thanh tra Bảo vệ |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành: 0 cổ phần

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần TCS
- Sở hữu đại diện: 0
- Sở hữu của người có liên quan: 0

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao Ban kiểm soát

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

- **Thành viên Ban kiểm soát – Ông Nguyễn Duy Tiến**

1. Họ và tên: Nguyễn Duy Tiến

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: Ngày 29 tháng 12 năm 1980

4. Nơi sinh: Thanh Lang, Thanh Hà, Hải Dương.

5. Quốc tịch:Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, Khu An Sơn, Phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 022080002429 Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày cấp: 07/11/2017.

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0982 384 168

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản trị kinh doanh

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Ủy viên Ban kiểm soát- Phó trưởng phòng Kế hoạch & Quản trị chi phí Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác

| *Thời gian* | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| Từ tháng 8/2004 ÷ 02/2007 | Công ty than Cao Sơn | Nhân viên Ban Quản lý chi phí & giá thành sản phẩm |
| Từ tháng 3/2007 ÷ 8/2007 | Công ty than Cao Sơn | Nhân viên Phòng Kế hoạch & giá thành sản phẩm |
| Từ tháng 9/2007 ÷ 7/2008 | Công ty CP than Cao Sơn | Nhân viên Phòng Kế toán tài chính. |
| Từ tháng 8/2009 ÷ 9/2009 | Công ty CP than Cao Sơn | Bí thư đoàn TN chuyên trách Công ty |
| Từ 14/9/2009 ÷ 3/2010 | Công ty CP than Cao Sơn | Phó phòng Bảo vệ |
| Từ tháng 3/2010 ÷ 4/2012 | Công ty CP than Cao Sơn | Phó phòng Kế hoạch & giá |

| | | |
|---|---|---|
| | | thành sản phẩm |
| Từ tháng 5/2012 đến nay | Công ty CP than Cao Sơn- Vinacomin. | Phó phòng Kế hoạch & quản trị chi phí kiêm ủy viên ban kiểm soát Công ty |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành: *(nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)*

- Sở hữu cá nhân: 268 cổ phần
- Sở hữu đại diện: Không có
- Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*): Không có

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao Ban kiểm soát

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành

### *14.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

- **Giám đốc – Ông Phạm Thành Đông (nêu tại phần trên – Thành viên HĐQT)**
- **Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Sinh**

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Sinh
2. Giới tính: nam
3. Số CMND: 101027907; Ngày cấp: 04/5/2006 ; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
4. Ngày sinh: 28/02/1966
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Nghĩa Châu - Nghĩa Hưng - Nam Định
8. Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Khu Cao Sơn 1, P.Cẩm Sơn-TP Cẩm Phả-Quảng Ninh.
9. Số điện thoại liên lạc: 0904.663.825
10. Trình độ văn hoá:10/10
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ
12. Quá trình công tác:

| *Thời gian* | *Đơn vị công tác* | *Chức vụ* |
|---|---|---|
| Từ 10/1986-06/1988 | Mỏ Than Cao Sơn | Vận hành Xúc, Công trường Bàng Nâu |
| Từ 7/1988-8/1989: | Mỏ Than Cao Sơn | Đốc công, Công trường Bàng Nâu |
| Từ 9/1989-4/1998 | Mỏ Than Cao Sơn | Phó Quản đốc, Công trường Bàng Nâu |
| Từ 5/1998-5/1999 | Mỏ Than Cao Sơn | Quyền Quản đốc Công trường Bàng Nâu |

| | | |
|---|---|---|
| Từ 6/1999-6/2003 | Mỏ Than Cao Sơn | Quản đốc Công trường Khai thác 4 |
| Từ 7/2003-3/2008 | Mỏ Than Cao Sơn | Quản đốc Công trường Khai thác 1 |
| Từ 4/2008-6/2008 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Trợ lý Giám đốc |
| Từ 7/2008 đến nay | Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin | Phó giám đốc |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành: *(nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)*

- Sở hữu cá nhân: 2.117 cổ phần
- Sở hữu đại diện: Không có
- Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*): Không có

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao Ban kiểm soát

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành

- **Phó Giám đốc – Ông Mai Huy Giáp**

1. Họ và tên: Mai Huy Giáp
2. Giới tính: nam
3. Số CMND: 100925052; Ngày cấp: 13/10/2003; Nơi cấp: CA Quảng Ninh
4. Ngày sinh: 15/8/1966
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Vũ Sơn - Kiến Xương - Thái Bình
8. Địa chỉ thường trú: Tổ 40, Khu Đông Tiến 1, P.Cẩm Đông-TP Cẩm Phả-Quảng Ninh.
9. Số điện thoại liên lạc: 0904.655.899
10. Trình độ văn hoá: 10/10
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp mỏ
12. Quá trình công tác:

| *Thời gian* | *Đơn vị công tác* | *Chức vụ* |
|---|---|---|
| Từ 11/1984-04/1997 | Mỏ Than Cao Sơn | Thợ Cơ, Công trường Máng Ga |
| Từ 05/1997-09/1999 | Mỏ Than Cao Sơn | Cán bộ Phòng Cơ điện |
| Từ 10/1999-08/2004 | Mỏ Than Cao Sơn | Cán bộ Phòng Cơ điện |
| Từ 09/2004-12/2004 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Phòng Xây dựng cơ bản |

| | | |
|---|---|---|
| Từ 01/2005-8/2005 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Quyền Phó phòng Xây dựng cơ bản |
| Từ 9/2005-01/2007 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Phó Phòng Cơ điện |
| Từ 02/2007-12/2008 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Ủy viên chuyên trách HĐQT Công ty |
| Từ 01/2009-03/2013 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin | Ủy viên HĐQT; Phó giám đốc |
| Từ 04/2013 đến nay | Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin | Phó giám đốc |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành: *(nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)*

- Sở hữu cá nhân: 2.450 cổ phần
- Sở hữu đại diện: Không có
- Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*): Không có

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao Ban kiểm soát

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Kkông

- **Phó Giám đốc – Ông Phạm Quốc Việt**

1. Họ và tên: Phạm Quốc Việt

2. Giới tính: nam

3. Số hộ chiếu : B4805035; Ngày cấp: 11/7/2011 ; Nơi cấp: CA Quảng Ninh

4. Ngày sinh: 30/7/1974

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Dân tộc: Kinh

7. Quê quán: Khánh Hòa - Yên Khánh - Ninh Bình

8. Địa chỉ thường trú: Tổ 5, Khu Cao Sơn 1, P.Cẩm Sơn-TP Cẩm Phả-Quảng Ninh.

9. Số điện thoại liên lạc: 0913.479.898

10. Trình độ văn hoá: 12/12

11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ

12. Quá trình công tác:

| *Thời gian* | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| Từ 12/1995-06/1997 | Mỏ Than Cao Sơn | Công trường Đông Cao Sơn |
| Từ 7/1997-4/1999 | Mỏ Than Cao Sơn | Điều độ viên Trung tâm CHSX |
| Từ 5/1999-11/2005 | Công ty cổ phần than Cao | Nhân viên Phòng Kỹ thuật Khai |

| | | |
|---|---|---|
| | Sơn-TKV | thác |
| Từ 12/2005-3/2007 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Ca trưởng tuyến 2, phòng ĐKSX |
| Từ 4/2007-5/2007 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Cán bộ phòng ĐKSX |
| Từ 6/2007-7/2008 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Quyền Phó quản đốc CT Khai thác 2 |
| Từ 8/2008-9/2008 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Phó phòng Kỹ thuật Khai thác |
| Từ 10/2008-08/2009 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV | Trợ lý Giám đốc |
| Từ 9/2009-5/2014 | Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin | Trợ lý Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật Khai thác |
| Từ 6/2014 đến nay | Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin | Phó giám đốc |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành: *(nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)*

- Sở hữu cá nhân: 1.167 cổ phần
- Sở hữu đại diện: Không có
- Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*): Không có

16. Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao Ban kiểm soát

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: KHông

- **Kế toán trưởng – Ông Trần Tuấn Anh (nêu tại phần trên – Thành viên HĐQT)**

**15. Tài sản**

**BẢNG 18. Tài sản cố định hữu hình của Than Cao Sơn tại thời điểm 31/12/2019**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Stt | Khoản mục | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | Tỷ lệ % GTCL/NG |
|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 292.640 | 175.019 | 59,81% |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 863.464 | 147.459 | 17,08% |
| 3 | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 1.752.378 | 256.609 | 14,64% |
| 4 | Thiết bị văn phòng | 23.178 | 3.239 | 13,97% |

| Stt | Khoản mục | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | Tỷ lệ % GTCL/NG |
|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 5 | TSCĐ hữu hình khác | 429 | 429 | 100,00% |
| **Tổng cộng:** | | 2.932.089 | 582.755 | 19,88% |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2019 của CTCP Than Cao Sơn*

**16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020**

**BẢNG 19. Một số chỉ tiêu dự kiến trong kế hoạch tài chính hợp nhất năm 2020**

| STT | CHỈ TIÊU | Đơn vị | Năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | % tăng giảm so với năm 2019 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **Tổng doanh thu** | **Triệu đồng** | 6.194.658 | 5.637.000 | (9%) |
| 2 | **Lợi nhuận sau thuế** | **Triệu đồng** | 84.893 | 45.000 | (46,99%) |
| 3 | **Tỷ suất** | | | | |
| *a* | *Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần* | *%* | *1,5%* | *0,8%* | *(46,67%)* |
| *b* | *Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ* | *%* | *31,62%* | *16,76%* | *-46,99%* |
| 4 | **Vốn điều lệ** | **Đồng** | 268.467.730.000 | 268.467.730.000 | 0% |
| 5 | **Tỷ lệ cổ tức** | **%** | **5** | ≥ 7 | ≥2 |

*Nguồn : Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 của CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin*

**- Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh được xây dựng trên tình hình thực tế khai thác than của doanh nghiệp và đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty. Trong năm 2020, Công ty tiếp tục hoạt động khai thác than lộ thiên tại mỏ và cung ứng cho Tập đoàn TKV.

**17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh của CTCP Than Cao Sơn. Chúng tôi cho rằng, trong trường hợp không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá

của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty :** Không có

**19. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu:** Không có

## V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin

#### *1.1. Lịch sử hình thành và phát triển*

Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tiền thân là Công trường than trôi Cẩm Phả được thành lập vào thập kỷ 60 của Thế kỷ XX.

Năm 1985, Xí nghiệp than Cẩm Phả được thành lập trên cơ sở nâng cấp Công trường than trôi thành Xí nghiệp than Cẩm Phả thuộc Công ty than Quảng Ninh, có chức năng khai thác, chế biến và kinh doanh than.

Ngày 1/7/2003, Công ty trở thành thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản việt Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 42/1999/QĐ-BCT ngày 16/07/1999 của Bộ trưởng Bộ công thương. Công ty đi vào hoạt động và đổi tên thành Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài từ ngày 01/10/1999 với mức vốn điều lệ ban đầu là 6.531.837.535 đồng. Hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 160 tỷ đồng, trong đó, Tập đoàn TKV nắm giữ 65,36%.

Trong những năm qua Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài luôn nỗ lực trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời với việc nâng cao hiệu quả SXKD, Công ty cũng đảm bảo các quyền lợi cho người lao động.

Công ty đã được UBND tỉnh Quảng Ninh, Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam, nhiều cấp ngành của Trung ương và địa phương trao tặng nhiều bằng khen, đặc biệt năm 2007 Chủ tịch nước đã tặng thưởng Công ty và Giám đốc Nguyễn Đình Cường Huân chương lao động hạng 3.

Ngày 26/02/2016, Công ty chính thức giao dịch tại hệ thống Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TND.

#### *1.2. Giới thiệu về Công ty*

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin
- Tên giao dịch: VINACOMIN - TAY NAM DA MAI COAL JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: TANADACOAL
- Giao dịch tại: Sàn Giao dịch Chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM)
- Mã chứng khoán: TND
- Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn - Thành phố Cẩm phả - Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: (84-33) 3862229
- Fax: (84-33) 3860641
- Vốn điều lệ: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Giấy CNĐKKD số: 5700289499, đăng ký lần đầu ngày 25/09/1999, thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.
- Logo Công ty:

- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Khai thác, chế biến và tiêu thụ than
  - Cung ứng xuất nhập khẩu hang hóa vật tư phục vụ khai thác mỏ

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

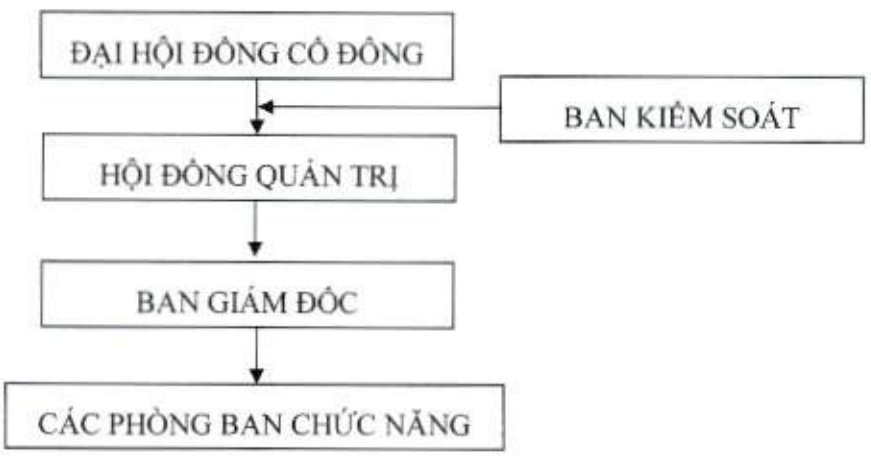


Cơ cấu tổ chức của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ tổ chức của doanh nghiệp.

## 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

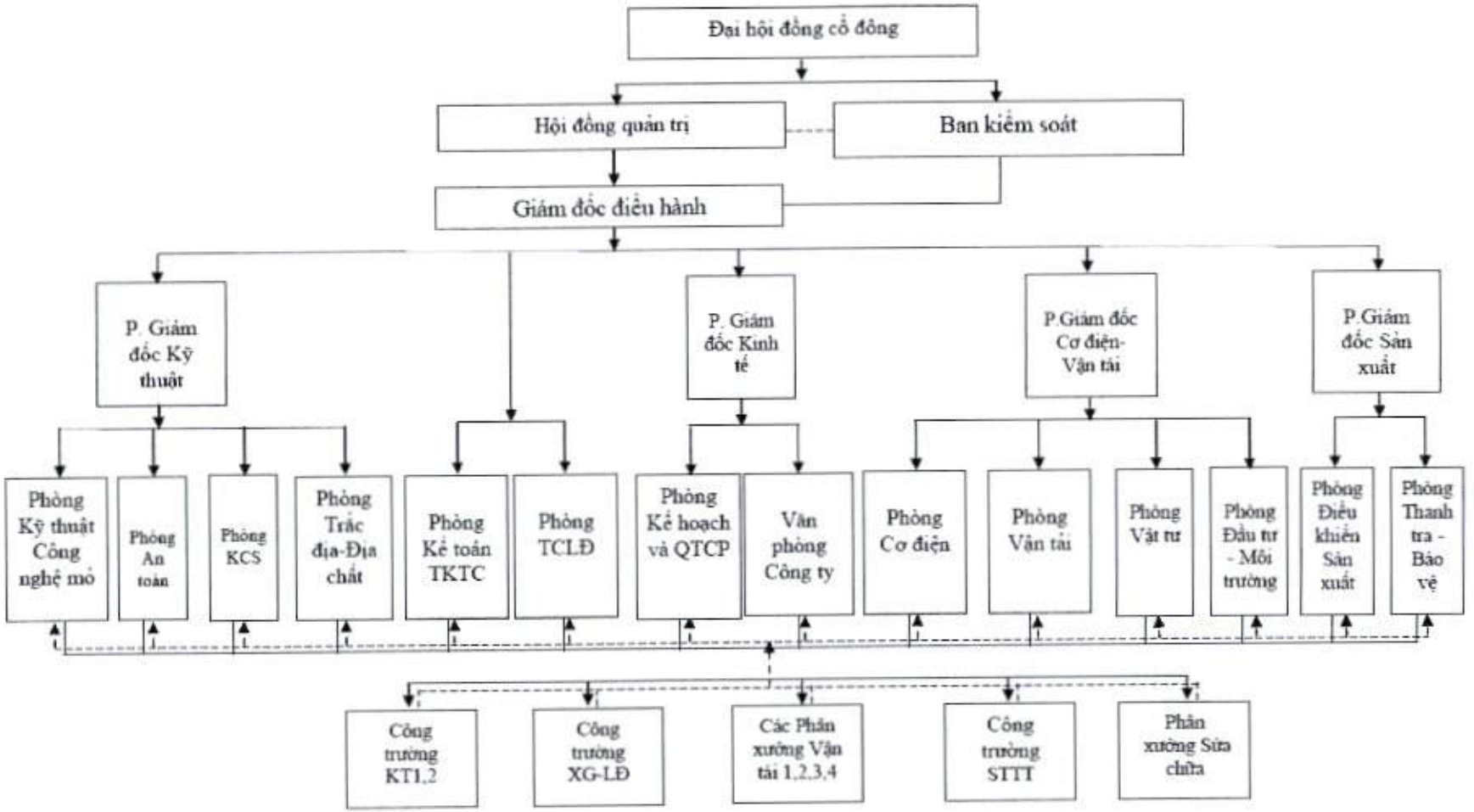

**Diễn giải cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:**

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định phương án kinh doanh hàng năm của công ty, quyết định đầu tư dự án, tài sản theo quy định tại điều lệ và quy chế tài chính. HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

- **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tính chính xác, trung thực, hợp pháp về Báo cáo tài chính của Công ty.

- **Ban Giám đốc**

Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người quyết định phương hướng sản xuất kinh doanh theo quyền hạn trong điều lệ và pháp luật liên quan, điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người trợ giúp cho Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

**Các phòng ban khác**

Các phòng ban chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp, các quy định của Công ty, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của TND và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông trên mức vốn thực góp hiện tại**

**BẢNG 20. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của TND tại ngày 05/6/2020**

| Stt | Cổ đông | Địa chỉ | Số CMND/ĐKKD | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam | 226 phố Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | 5700100256 | 10.459.404 | 65,37% |

*Nguồn: TND (Danh sách cổ đông chốt tại ngày 05/06/2020)*

**BẢNG 21. Cơ cấu vốn cổ đông tại ngày 05/6/2020**

| Stt | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Trong nước** | **1.009** | **15.775.240** | **98,60%** |
| | Tổ chức | 1 | 10.459.404 | 65,37% |
| | Cá nhân | 1.008 | 5.315.836 | 34,29% |
| 2 | **Nước ngoài** | 20 | 224.760 | 1,40% |
| | Tổ chức | 0 | 0 | 0 |
| | Cá nhân | 20 | 224.760 | 1,40% |
| 3 | **Cổ phiếu quỹ** | **0** | **0** | **0%** |
| | **Cộng** | **1.029** | **16.000.000** | **100%** |

*Nguồn : TND (Danh sách cổ đông chốt tại ngày 05/6/2020)*

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của TND, những Công ty mà TND đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TND**

- **Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài - Vinacomin**

| Stt | Tên công ty mẹ | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | Quyền biểu quyền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam | 226 phố Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Công nghiệp than; Công nghiệp khoáng sản- luyện kim; Vật liệu nổ công nghiệp; Công nghiệp điện | 65,37% | 65,37% |

*Nguồn: TND*

- **Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài - Vinacomin**

  **Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.**

  *(Thông tin như trên)*

- **Công ty con, Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin**

  Không có.

## 6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin

**BẢNG 22. Quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin**

*Đơn vị: Đồng*

| Stt | Thời điểm tăng vốn | Giá trị vốn tăng thêm | Giá trị vốn sau khi tăng | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 25/11/2009 | 33.468.160.000 | 40.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu | Nghị quyết số 239/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/10/2009 của CTCP Than Tây Nam Đá Mài |
| 2 | 13/06/2012 | 120.000.000.000 | 160.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 15 ngày 21/04/2012 |

*Nguồn: TND*

## 7. Hoạt động kinh doanh

### *7.1. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin*

Hàng năm, Công ty thường thực hiện khai thác than cứng theo kế hoạch của Tập đoàn Than – Khoáng sản và bán số lượng than khai thác được cho Tập đoàn.

Thông tin về mỏ than Khe Chàm II của công ty:

- Giấy phép khai thác số 1251/GP – BTNMT ngày 26/06/2014.
- Địa điểm: phường Cẩm Tây và Môn Dương, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Diện tích khai thác: 287 ha.
- Mức sâu khai thác: đến mức – 200m.
- Thời gian khai thác theo giấy phép: đến năm 2023.
- Trữ lượng khai thác: 19.846.809 tấn than nguyên khai.
- Trữ lượng còn lại tính đến 30/06/2019: 11.817.201 tấn than nguyên khai.
- Phương pháp khai thác: lộ thiên.

### *7.2. Doanh thu, lãi gộp của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin*

- **Cơ cấu doanh thu thuần**

**BẢNG 23. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin**

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | | Năm 2019 | | 3T/2020 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) |
| Doanh thu bán hàng | 2.491.641 | 99,50% | 3.021.108 | 99,54% | 791.499 | 99,88% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 12.622 | 0,50% | 14.046 | 0,46% | 975 | 0,12% |
| **Tổng cộng** | **2.504.263** | **100%** | **3.035.154** | **100%** | **792.474** | **100%** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC tự lập quý I/2020 của Tây Nam Đá Mài*

- **Cơ cấu Lợi nhuận gộp**

**BẢNG 24. Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin**

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | | Năm 2019 | | 3T/2020 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu VND) | Tỷ trọng (%) |
| Lợi nhuận gộp bán thành phẩm | 235.336 | 101,22% | 244.660 | 101,14% | 34.752 | 99,93% |
| Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ | (2.842) | -1,22% | (2.752) | -1,14% | 24 | 0,07% |
| **Tổng cộng** | **232.493** | **100%** | **241.908** | **100%** | **34.776** | **100%** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC tự lập quý I/2020 TND*

### *7.3. Báo cáo hoạt động đầu tư, hiệu quả đầu tư*

Công ty thực hiện công tác đầu tư theo kế hoạch Tập đoàn TKV duyệt hàng năm trên cơ sở cân đối năng lực thiết bị hiện có và nhu cầu phục vụ sản xuất thực tế đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản lượng theo hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn. Các dự án đầu tư chủ yếu là đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cải tạo mở rộng công suất mỏ, phần mềm thiết bị phục vụ quản lý .... Giá trị đầu tư năm 2018 thực hiện 78 tỷ đồng; năm 2019 thực hiện 92 tỷ đồng. Các dự án đầu tư hoàn thành đều phát huy hiệu quả đáp ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018; 2019 Công ty thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tiêu thụ than của TKV, vượt lợi nhuận, tình hình tài chính ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

## 8. Hoạt động Marketing

Với hoạt động chính của Công ty hiện nay là khai thác than và sản phẩm đầu ra được cung cấp tập trung cho Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam nên Công ty không thực hiện các hoạt động liên quan đến Marketing.

## 9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

**Logo Công ty**

Logo của Công ty đã được đăng ký tại Cục sở hữu trí tuệ với số 230564; 230565 ngày 26/8/2014.

## 10. Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

**BẢNG 25. Danh sách các hợp đồng lớn của Công ty đã và đang thực hiện trong thời gian vừa qua**

| STT | Hợp đồng | Giá trị HĐ (Tỷ đồng) | Thời điểm ký kết | Thời gian thực hiện hợp đồng | Sản phẩm/ Nội dung HĐ | Đối tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 12 | 2.740,5 | 31/12/2017 | 2018 | Mua bán than năm 2018 | Công ty Kho Vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin |
| 2 | 12 | 3.136 | 31/12/2018 | 2019 | Mua bán than năm 2019 | Công ty Kho Vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin |
| 3 | 36 | 15 | 17/01/2018 | 2018 | Thuê ngoài chế biến cục don (15-35) mm bằng hệ thống tuyển rửa và chế biến, sàng tuyển than bã sàng, than cục don (+35mm) bằng hệ máy nghiền bóp năm 2018 | Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng Quảng Bình |
| 4 | 37 | 221,5 | 18/01/2018 | 2018 | Thuê ngoài vận chuyển đất đá năm 2018 | Nhà thầu liên danh Công ty CP Hoa Sơn, Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ vận tải Trung Nghĩa, Công ty CP Đầu tư và Khai thác mỏ Đông Bắc, Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Vận tải Hà Nội. |
| 5 | 129 | 32,5 | 22/02/2018 | 2018 | Thuê ngoài chế biến than sạch từ SPNT năm 2018 | Nhà thầu liên danh Công ty CP Hoàng Trường, Công ty CP Kim Khí 893, Công ty CP tư vấn thiết kế xây dựng Quảng Bình |
| 6 | 384 | 139 | 18/6/2018 | 2018 | Thuê ngoài vận chuyển đất đá năm 2018 | Nhà thầu liên danh Công ty CP Hoa Sơn, Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ vận tải Trung Nghĩa, Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Vận tải Hà Nội, Công ty TNHH Máy Xây Dựng và Công nghiệp, Công ty CP Kim Khí Thành Đô. |
| 7 | 679 | 21 | 18/10/2018 | 2018 | Thuê ngoài vận chuyển đất đá năm 2018 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Châu. |
| 8 | 312 | 16 | 14/5/2018 | 2018 | Lốp ô tô 24.00 | Công ty CP Xuất nhập khẩu Than -Vinacomin (Coalimex) |
| 9 | 12 | 296 | 11/01/2019 | 2019 | Thuê ngoài bóc xúc, vận chuyển, san gạt đất đá | Nhà thầu liên danh Công ty Cổ phần Hoa Sơn, Công ty CP Đầu |

| STT | Hợp đồng | Giá trị HĐ (Tỷ đồng) | Thời điểm ký kết | Thời gian thực hiện hợp đồng | Sản phẩm/ Nội dung HĐ | Đối tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | năm 2019 | tư và Dịch vụ vận tải Trung Nghĩa, Công ty CP Xuất nhập khẩu máy Việt Nam, Công ty CP đầu tư phát triển Bảo Nguyên. |
| 10 | 13 | 289,9 | 11/01/2019 | 2019 | Thuê ngoài vận chuyển đất đá năm 2019 | Nhà thầu liên danh Công ty CP Kim Khí Thành Đô, Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Vận tải Hà Nội, Công ty CP Công nghiệp Á Châu, Công ty CP Hoàng Hậu. |
| 11 | 885 | 22 | 28/12/2018 | 2019 | Thuê ngoài chế biến tuyển rửa cục don (15-35)mm năm 2019 | Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng Quảng Bình |
| 12 | 539 | 21,9 | 29/8/2019 | 2019 | Thuê ngoài bóc xúc, vận chuyển đất đá xử lý trụ sạt năm 2019 | Công ty TNHH MTV Tuấn Minh. |
| 13 | 886 | 61,6 | 28/12/2018 | 2019 | Thuê ngoài chế biến than sạch từ SPNT năm 2019 | Nhà thầu liên danh Công ty CP Hoàng Trường, Công ty CP Kim Khí 893, Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng Quảng Bình. |
| 14 | 198 | 21 | 20/03/2019 | 2019 | Mua 02 máy gạt | Nhà thầu liên danh Công ty CP Kim Khí Thành Đô, Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hanco. |

*Nguồn: TND*

** Ghi chú: Giá trị của các Hợp đồng năm 2019 là giá trị ký kết Hợp đồng.*

**11. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

***11.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài trong năm 2018, 2019 và Quý I/2020***

**BẢNG 26. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài trong năm 2018, 2019 và Quý I/2020**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng/giảm | Quý I/2020 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 1.569.210 | 1.289.668 | -17,81% | 1.363.670 |
| Doanh thu thuần | 2.506.169 | 3.035.154 | 21,11% | 792.474 |

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng/giảm | Quý I/2020 |
|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 69.577 | 93.932 | 35,00% | 5.636 |
| Lợi nhuận khác | 9.886 | -116 | -101,17% | -60 |
| Lợi nhuận trước thuế | 79.462 | 93.816 | 18,06% | 5.576 |
| Lợi nhuận sau thuế | 63.068 | 73.585 | 16,68% | 4.380 |
| Tỷ lệ trả cổ tức | 40% | 53% | 32,50% | NA |

*Nguồn: BCTCKT năm 2018, 2019 và BCTC Q1/2020 của TND*

### *11.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài trong 2 năm vừa qua*

- **Thuận lợi**

– Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, của các cấp chính quyền địa phương. Sự phối kết hợp sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong và ngoài ngành tạo ra những thuận lợi nhất định cho công ty về việc làm và tiêu thụ các sản phẩm của công ty.

– Tập thể Đảng bộ, CBCNV công ty luôn đoàn kết đồng lòng quyết tâm phấn đấu thực hiện các mục SXKD hàng năm mà công ty đề ra.

– Trong công tác điều hành, tập thể lãnh đạo công ty đã dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của CBCNV, đồng thời tạo điều kiện cho các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội tham gia tích cực trong công tác quản lý công ty.

– Nhu cầu tiêu thụ than trong nước tăng cao, việc làm cho người lao động được đảm bảo, ổn định.

– Trong năm 2018, 2019 thời tiết tương đối thuận lợi vì vậy thời gian hoạt động và năng suất thiết bị ổn định, qua đó giảm được chi phí và tăng hiệu quả sản xuất.

- **Khó khăn**

– Công ty không được chủ động về sản lượng khai thác, đối tác và giá bán sản phẩm mà thông qua sự điều phối của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam do đó thiếu sự chủ động trong kinh doanh.

– Do điều kiện khai thác lộ thiên nên ảnh hưởng nhiều của các yếu tốt về thiên nhiên, thời tiết, điều kiện khai thác, diện khai thác chật hẹp, gần khu dân cư... nên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

– Năm 2018, 2019 do khai thác xuống sâu, suối Đá Mài không còn do đó toàn bộ nước đổ xuống moong Công ty, làm tăng bùn moong, nước moong ảnh hưởng rất lớn đến tổ chức sản xuất của Công ty;

- Bãi thải chật hẹp, đường vận tải chỉ có 01 tuyến chính, thiết bị xuống cấp, đầu tư bổ sung năng lực vận tải ít (năm 2018 đầu tư 03 xe 91 tấn và tham gia vận chuyển từ giữa quý IV nên công tác sản xuất phụ thuộc nhiều vào tiến độ thực hiện của các đơn vị ngoài, khối lượng thuê ngoài năm 2018 chiếm 43% tổng khối lượng vận chuyển đất đá.

- Số lượng người lao động lớn nên việc quản lý nhân sự là vấn đề đòi hỏi ban lãnh đạo công ty phải luôn quan tâm, đưa ra các chính sách thích hợp để thu hút người lao động gắn bó lâu dài, đảm bảo sản lượng khai thác theo kế hoạch đề đặt ra.

## 12. Vị thế của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### *12.1. Vị thế của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài*

CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin đã trải qua hàng chục năm xây dựng, phát triển và đã từng bước gây dựng được chỗ đứng của mình trên thương trường thông qua chính sách đầu tư hợp lý về nhân sự và công nghệ. Tính đến thời điểm hiện tại, công ty sở hữu hơn 1.300 lao động, trong đó phần lớn là đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề, có trình độ cao, đã được đào tạo chính quy và trải qua nhiều năm kinh nghiệm công tác. Bên cạnh thế mạnh về nguồn nhân lực, công ty còn có chính sách hợp lý trong việc tạo ra cho mình thế mạnh cạnh tranh riêng về cơ sở hạ tầng và công nghệ. Những năm gần đây, công ty đã tập trung tăng cường đầu tư hạ tầng cơ bản như Nhà điều hành, nhà xưởng, hệ thống kho tàng hiện đại, quy củ. Thêm vào đó, hàng năm công ty đều tiến hành đầu tư bổ sung thiết bị mới phục vụ sản xuất kinh doanh và nâng cao năng suất khai thác. Nhờ chính sách nhân lực và công nghệ hợp lý, sản phẩm than của công ty ngày càng có uy tín trên thị trường với hàng chục đối tác và hàng trăm hợp đồng mua bán có giá trị cao. Do có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế toàn quốc nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng, công ty đã được UBND tỉnh Quảng Ninh, Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam, nhiều cấp ngành của Trung ương và địa phương trao tặng nhiều bằng khen.

### *12.2. Triển vọng phát triển của ngành*

Trong nền kinh tế nói chung và ngành than nói riêng, yếu tố quyết định chính đến sự phát triển của các doanh nghiệp là cung và cầu, sự gia tăng của nhu cầu cùng với sự phát triển ổn định của nguồn cung sẽ thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tương lai.

Ngành than đóng vai trò là ngành kinh tế trọng điểm cung cấp nhiên liệu hoạt động cho hầu hết các ngành đặc biệt là điện, phân bón, giấy, xi-măng – những ngành sử dụng nhiều than nhất trong sản xuất. Điều này cho thấy đầu ra của ngành than rất ổn định. Theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 số 403/QĐ-TTg của Chính phủ, nhu cầu than của nước ta trong giai đoạn sắp tới có dự kiến như sau:

*Đơn vị: triệu tấn*

| Năm | 2020 | 2025 | 2030 |
|---|---|---|---|
| **Dự báo nhu cầu than (Triệu tấn)** | **86,4** | **121,5** | **156,6** |

*Nguồn: Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/03/2016*

Để đáp ứng nhu cầu trên, Chính phủ đã giao cho Bộ Công thương đánh giá lại trữ lượng than cho chính xác và đề xuất giải pháp khai thác sao cho vừa đảm bảo an ninh năng lượng, vừa đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững. Trước mắt, đối với bể than Đông Bắc, Bộ Công thương đưa ra kế hoạch hoàn thành thăm dò phần tài nguyên trữ lượng than trên mức -300m và một số dưới mức -300m. Đối với bể than đồng bằng sông Hồng, Bộ Công thương sẽ chỉ đạo thăm dò một số diện tích chứa than có triển vọng, đầu tư khai thác thử nghiệm, Với trữ lượng than dồi dào sẵn sàng cung cấp, các doanh nghiệp ngành than sẽ được hưởng lợi rất lớn từ sự gia tăng nhu cầu sử dụng và tiêu thụ than.

Ngoài ra, để đẩy mạnh phát triển ngành than, Chính phủ cũng đã đưa ra những giải pháp để đảm bảo cung cấp than dài hạn, cụ thể như:

- Đẩy mạnh thăm dò bể than Đông Bắc nhằm nâng cấp trữ lượng than từ mức -300m trở lên và chuẩn xác trữ lượng than dưới mức -300m để chuẩn bị đủ cơ sở trữ lượng và tài nguyên than tin cậy, phục vụ huy động vào thiết kế khai thác theo Quy hoạch.
- Quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch liên quan của các địa phương có tài nguyên than cần xác định cụ thể.
- Chủ động tìm kiếm các cơ hội và thu xếp nguồn vốn để thực hiện việc đầu tư thăm dò, khai thác than ở nước ngoài dưới nhiều hình thức như liên doanh, mua mỏ…
- Áp dụng phương pháp tiên tiến trong lĩnh vực quản trị tài nguyên; tăng cường kiểm soát nguồn than từ khâu khai thác, vận chuyển, chế biến đến tiêu thụ.

Đồng thời, các giải pháp liên quan như giải pháp về huy động vốn đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, bảo về môi trường và về cơ chế, chính sách cũng được nêu rõ.

### *12.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới*

Là một thành viên của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, định hướng phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty phải phù hợp với chiến lược phát triển của ngành than nói chung. Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 403/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến 2030, mục tiêu của Chính phủ đối với việc phát triển ngành than trong tương lai là (i) xây dựng, phát triển ngành than bền vững, hiệu quả theo hướng đồng bộ, phù hợp với sự phát triển chung của các ngành kinh tế khác; (ii) phát triển ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước, nhằm phục vụ nhu cầu trong nước là chủ yếu; (iii) đóng góp tích cực, hiệu quả vào việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng

tối đa nhu cầu than phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước và (iv) bảo đảm việc xuất, nhập khẩu hợp lý theo hướng giảm dần xuất khẩu và chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng. Căn cứ trên mục tiêu phát triển của ngành được phê duyệt, có thể thấy định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển ngành.

## 13. Chính sách đối với người lao động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài

### *13.1. Số lượng người lao động trong Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài*

Số lao động làm việc tại Công ty vào thời điểm 31/3/2020 là 1.334 người, với cơ cấu lao động phân theo trình độ và theo hợp đồng lao động như sau:

BẢNG 27. **Cơ cấu lao động của TND tại 30/09/2019**

| Tiêu chí | Số lượng | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| **A. Loại hợp đồng lao động** | **1.334** | **100%** |
| - **HĐLĐ không xác định thời hạn** | 1.330 | 99,70% |
| - **HĐLĐ xác định thời hạn** | - | |
| - **Lao động thuộc diện không ký HĐLĐ** | 4 | 0,30% |
| **Tổng số lao động** | **1.334** | **100%** |
| **B. Trình độ đào tạo** | | |
| - **Đại học và trên đại học** | 252 | 18,89% |
| - **Cao đẳng, Trung cấp** | 8 | 0,60% |
| - **Công nhân, khác** | 1.074 | 80,51% |
| **Tổng số lao động** | **1.334** | **100%** |

### *13.2. Chính sách đối với người lao động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá mài*

**Chính sách đối với người lao động của CTCP Than Tây Nam Đá Mài:**

- Thực hiện trả lương lũy tiến cho công nhân vận hành, trả lương theo giờ theo đúng quy chế đã ban hành.
- Các chế độ về ăn ca, bồi dưỡng độc hại đều được Công ty thực hiện đúng theo các quy định hướng dẫn của nhà nước, của Tập đoàn và được quy định cụ thể trong quy chế, quy định quản lý của Công ty đã ban hành. Ngoài ra Công ty còn thường xuyên thăm hỏi động viên giúp đỡ những gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, các gia đình công nhân gặp tai nạn lao động vào dịp lễ tết, ủng hộ các quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh…

## 14. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ. Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

| Năm | 2017 | 2018 | 2019 |
|---|---|---|---|
| Tỷ lệ trả cổ tức | 15% bằng tiền mặt (theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2018) | 40% bằng tiền mặt (theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019) | 53% bằng tiền mặt (theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020) |

## 15. Tình hình hoạt động tài chính của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài

### *15.1. Các chỉ tiêu cơ bản*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 của năm liền kề. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

- **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

**BẢNG 28. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|
| Vốn điều lệ (*) | 160.000 | 160.000 | 160.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | -130 | -130 | -130 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 27.417 | 27.417 | 27.417 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 138.437 | 117.148 | 121.528 |
| Nợ phải trả | 1.198.703 | 940.449 | 1.010.071 |
| **Tổng nguồn vốn** | **1.569.210** | **1.289.668** | **1.363.670** |

*Nguồn: BCTCKT năm 2018, 2019 và BCTC Q1/2020 của TND*

- **Trích khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc, thiết bị | 3 -10 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 - 8 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 7 năm |

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Theo BCTC của Công ty, các khoản nợ của TND đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả phải nộp khác được TND thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

Theo BCTC của Công ty, các loại thuế, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được TND thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn. TND cam kết tại thời điểm 31/3/2020, TND không có bất kỳ khoản nợ phải trả nào quá hạn trên 01 năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. TND cam kết tuân thủ các quy định khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- **Trích lập các quỹ**

Việc trích lập các quỹ sẽ được TND lập và duy trì phù hợp với Điều Lệ và quy định pháp luật hiện hành.

**BẢNG 29. Trích lập các quỹ của TND**

*Đơn vị: đồng*

| Stt | Các quỹ | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Quỹ đầu tư phát triển | 44.783.373.846 | 44.783.373.846 | 44.783.373.846 |
| | **Tổng cộng** | | | |

*BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Q1/2020 của TND*

- **Tổng dư nợ vay ngân hàng**

Bảng dưới đây thể hiện các khoản vay và nợ ngắn hạn của TND tại thời điểm 2018, 2019 và 31/03/2020:

**BẢNG 30. Tổng dư nợ vay ngân hàng của TND tại tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 31/03/2020**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|
| Vay ngắn hạn | 354.332 | 235.566 | 266.662 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|
| Vay dài hạn | 450.696 | 253.588 | 228.527 |
| **Tổng cộng** | **805.028** | 489.154 | **495.189** |

*Nguồn: BCTCKT năm 2018, 2019 và BCTC Q1/2020 của TND*

- **Tình hình công nợ hiện nay**

**BẢNG 31. Các khoản phải thu của TND tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 31/03/2020**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|---|
| | **Phải thu ngắn hạn** | **318.098** | 232.190 | **288.603** |
| 1 | Phải thu của khách hàng | 316.896 | 231.179 | 287.218 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 0 | 150 | 232 |
| 3 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Phải thu ngắn hạn khác | 1.203 | 861 | 1.153 |
| | **Phải thu dài hạn** | **30.786** | 34.344 | **36.902** |
| 1 | Phải thu dài hạn khác | 30.786 | 34.344 | 33.345 |
| | **Tổng cộng** | **348.884** | 266.534 | **325.505** |

*Nguồn: BCTCKT năm 2018, 2019 và BCTC Q1/2020 của TND*

**BẢNG 32. Các khoản phải trả của TND tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 31/03/2020**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|---|
| **Nợ ngắn hạn** | | **748.007** | **686.861** | **781.544** |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 309.396 | 306.795 | 141.189 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 0 | 40 | 0 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 36.514 | 82.328 | 67.504 |
| 4 | Phải trả người lao động | 47.135 | 52.384 | 29.356 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 49 | 69 | 52.421 |
| 6 | Phải trả ngắn hạn | 344 | 426 | 201 |

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/03/2020 |
|---|---|---|---|---|
| | khác | | | |
| 7 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 354.332 | 235.566 | 266.662 |
| 8 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 0 | 0 | 222.252 |
| 9 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 0 | 9.253 | 1.959 |
| **Nợ dài hạn** | | **450.696** | **253.588** | **228.527** |
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 450.696 | 253.588 | 228.527 |
| | **Tổng cộng** | **1.198.703** | **940.449** | **1.010.071** |

*Nguồn: BCTCKT năm 2018, 2019 và BCTC Q1/2020 của TND*

### *15.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

**BẢNG 33. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Các chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|---|---|
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/NNH) | 0,54 | 0,58 |
| + Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - HTK)/NNH) | 0,46 | 0,40 |
| **2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,76 | 0,73 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 3,24 | 2,69 |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bq) | 44,18 | 24,37 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,60 | 2,12 |
| **4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 2,52% | 2,42% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 10,17% | 20,45% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 4,15% | 5,15% |

| Các chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|---|---|
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 2,78% | 3,09% |
| + Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng/cp) | 3.942 | 4.599 |

*Nguồn: Số liệu được tính toán dựa trên BCTCKT năm 2018 và 2019 của TND*

## 16. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

**BẢNG 34. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng**

| STT | Họ và tên | Chức vụ tại Công ty |
|---|---|---|
| **I** | **Hội đồng quản trị** | |
| 1 | Vũ Văn Khẩn | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Vũ Trọng Tuấn | Ủy viên HĐQT |
| 3 | Đinh Văn Chiến | Ủy viên HĐQT |
| 4 | Trần Phương Nam | Ủy viên HĐQT |
| **II** | **Ban Giám đốc** | |
| 1 | Vũ Trọng Tuấn | Quyền Giám đốc |
| 2 | Đặng Xuân Vượng | Phó Giám đốc |
| 3 | Đỗ Văn Kiên | Phó Giám đốc |
| 4 | Vũ Văn Huy | Phó Giám đốc |
| **III** | **Ban kiểm soát** | |
| 1 | Nguyễn Thị Lịch | Trưởng BKS |
| 2 | Dương Thị Thu Phong | Ủy viên BKS |
| 3 | Nguyễn Huy Hoàng | Ủy viên BKS |
| **IV** | **Kế toán trưởng** | |
| 1 | Đinh Văn Chiến | Kế toán Trưởng |

### *16.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị*

- **Ông Vũ Văn Khẩn – Chủ tịch HĐQT: xem mục IV - 13.1.**
- **Ông Vũ Trọng Tuấn - Thành viên HĐQT**

1. Họ và tên: Vũ Trọng Tuấn

2. Giới tính: Nam/Nữ: Nam

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 03 tháng 5 năm 1965

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 101178452; Ngày cấp: 22/9/2009; Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Khu 4, P. Hồng Hà - TP Hạ Long - Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0203.3.862.229

8. Trình độ văn hoá: 10/10

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Trắc địa mỏ, Kỹ sư khai thác mỏ.

10. Quá trình công tác:

- Từ tháng 11/1988 đến tháng 10/1993: Nhân viên phòng Kỹ thuật – XN Than Cẩm Phả.

- Từ tháng 8/1993 đến tháng 10/1996: Nhân viên Kỹ thuật Cảng cá– XN Than Cẩm Phả.

- Từ tháng 11/1996 đến tháng 9/1999: Trưởng phòng Kỹ thuật – XN Than Cẩm Phả.

- Từ tháng 10/1999 đến tháng 12/2003: Phó quản đốc CT Khai thác Công ty CP than Tây Nam Đá Mài.

- Từ tháng 01/2004 đến tháng 04/2009: Quản đốc CT Khai thác Công ty CP than Tây Nam Đá Mài.

- Từ tháng 05/2009 đến tháng 7/2009: Trợ lý Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đá Mài.

- Từ tháng 08/2009 đến tháng 11/2019: Phó Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đá Mài.

- Từ 01/12/2019 đến nay: Quyền Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đá Mài.

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Quyền Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin.

12. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

13. Số cổ phần đang nắm giữ: 12.244 cổ phần;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Ông Đinh Văn Chiến - Thành viên HĐQT**

1. Họ và tên: Đinh Văn Chiến

2. Giới tính: nam

3. Số CMND: 100421359; Ngày cấp: 13/11/2009; Nơi cấp: CA Quảng Ninh

4. Ngày sinh: 01/9/1966

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Khu 4, P. Hà Lầm - TP Hạ Long - Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0203.3.862229

8. Trình độ văn hoá: 10/10

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, kế toán; Ths Quản trị kinh doanh.

10. Quá trình công tác:

- Từ 06/1986-08/1996: Nhân viên Kinh tế phân xưởng – Xí nghiệp tuyển than Hòn Gai;
- Từ 09/1996-02/2001: Nhân viên Kinh tế tổng hợp – Công ty tuyển than Hòn Gai;
- Từ 03/2001-07/2007: Phó Phòng Kế toán – Công ty tuyển than Hòn Gai;
- Từ 08/2007-07/2016: Kế toán trưởng - Công ty tuyển than Hòn Gai;
- Từ 08/2016 – Nay: Kế toán trưởng Công ty CP Than TNĐM - Vinacomin;

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Kế toán trưởng.

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty.

13. Số cổ phần đang nắm giữ: 16.000 cổ phần;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Ông Trần Phương Nam - Thành viên HĐQT**

1. Họ và tên: Trần Phương Nam

2. Giới tính: nam

3. Số CMND: 100629547; Ngày cấp: 10/7/2014; Nơi cấp: CA Quảng Ninh

4. Ngày sinh: 28/4/1974

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Khu 8, P. Hồng Hải - TP Hạ Long - Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0203.3.862229

8. Trình độ văn hoá: 10/10

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ

10. Quá trình công tác:

- Từ 10/1995-07/1998: Nhân viên Kỹ thuật tại mỏ than Cọc 6;

- Từ 08/1998-2/2004: Công tác tại Phòng Kỹ thuật Công ty CP Than TNĐM;
- Từ 03/2004-03/2007: Phó Phòng Kỹ thuật Cty cổ phần Than TNĐM;
- Từ 04/2007-03/2010: Trưởng phòng Vật tư Cty Cổ phần Than TNĐM;
- Từ 04/2010-12/2014: Trưởng phòng Tiêu thụ Cty Cổ Phần Than TNĐM
- Từ 01/2015-7/2018: Trưởng Phòng Thanh Tra Pháp chế KTNB Công ty Cổ phần Than TNĐM - Vinacomin.
- Từ 08/2018- Nay Ủy viên HĐQT Công ty CP Than TNĐM - Vinacomin;

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty, Ủy Viên BCH Đảng bộ Công ty.

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

13. Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

**13.2. Danh sách thành viên Ban Giám Đốc**

- **Ông Vũ Trọng Tuấn - Giám Đốc** (*xem thông tin bên trên)*
- **Ông Đặng Xuân Vượng – Phó Giám đốc**

1. Họ và tên: Đặng Xuân Vượng

2. Giới tính: Nam

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 18 tháng 10 năm 1960

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 100710480; Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: Khu Bình Minh, P. Cẩm Bình - TP Cẩm Phả - Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0913 017 951

8. Trình độ văn hoá: 10/10

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Máy mỏ, CN QTDN.

10. Quá trình công tác:

- Từ tháng 11/1977 đến tháng04/1981: Học Trung học chuyên nghiệp tại Trường Trung cấp Cơ khí 1, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.

- Từ tháng 04/1981 đến tháng 11/1984: Công nhân sửa chữa máy xúc, phân xưởng Cơ điện mỏ Đèo Nai.

- Từ tháng 11/1984 đến tháng 09/1986: Cán bộ kỹ thuật phòng đào tạo phụ trách bổ túc kỹ thuật kèm cặp nâng bậc cho công nhân kỹ thuật mỏ Đèo Nai.

- Từ tháng 09/1986 đến tháng 10/1990: Giáo viên dạy nghề trường công nhân kỹ thuật mỏ Đèo Nai.

- Từ tháng 11/1990 đến tháng 05/1995: Cán bộ kỹ thuật phòng Cơ điện mỏ Đèo Nai.

- Từ tháng 05/1995 đến tháng 10/1997: Phó phòng Cơ điện mỏ Đèo Nai.
- Từ tháng 11/1997 đến tháng 09/2001: Trưởng phòng Cơ điện mỏ Đèo Nai.
- Từ tháng 10/2001 đến tháng 09/2007: Trưởng phòng Cơ điện Công ty than Đèo Nai.
- Từ tháng 09/2007 đến tháng 10/2015: PGĐ Công ty than Đèo Nai.
- Từ tháng 10/2015 đến Nay: PGĐ Công ty CP than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin.

12. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

13. Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Ông Đỗ Văn Kiên – Phó Giám đốc**

1. Họ và tên: Đỗ Văn Kiên

2. Giới tính: Nam

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 25 tháng 06 năm 1977

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 52 , Khu 4B, P. Cao xanh - TP Hạ Long - Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 092553457

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Khai thác mỏ.

10. Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/1999 đến tháng 10/2001: Nhân viên phòng kỹ thuật mỏ than Núi Khánh, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Từ tháng 10/2001 đến tháng 12/2002: Phó phòng kỹ thuật mỏ than Núi Khánh, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Từ tháng 01/2003 đến tháng 08/2003: Phó phòng kỹ thuật XN than Hà Ráng, Cẩm Phả, Quảng Ninh.
- Từ tháng 09/2003 đến tháng 09/2003: Nhân viên phòng KHTH XN than Hà Ráng, Cẩm Phả, Quảng Ninh.
- Từ tháng 10/2003 đến tháng 11/2003: Đội phó đội SX số 1 XN than Hà Ráng, Cẩm Phả, Quảng Ninh.
- Từ tháng 11/2003 đến tháng 12/2003: Phó quản đốc PX khai thác lộ thiên XN than Hà Ráng, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

- Từ tháng 01/2004 đến tháng 05/2004: Quyền TP Kỹ thuật XN than Hà Ráng, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

- Từ tháng 06/2004 đến tháng 06/2004: Phó phòng Kỹ thuật – Đầu tư XN than Hà Ráng, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

- Từ tháng 07/2004 đến tháng 12/2004: Phó phòng KHTH XN than Hà Ráng, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

- Từ tháng 12/2004 đến tháng 12/2006: Quyền quản đốc PX khai thác lộ thiên XN than Hà Ráng, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

- Từ tháng 01/2007 đến tháng 11/2008: Cán bộ kỹ thuật XN than Hà Ráng, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

- Từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009: Phó phòng ĐKSX XN than Hà Ráng, Công ty Than Hạ Long.

- Từ tháng 03/2009 đến tháng 07/2009: Trưởng phòng ĐKSX XN than 917, Công ty Than Hòn Gai.

- Từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2012: PGĐ XN than 917, Công ty Than Hòn Gai.

- Từ tháng 03/2012 đến tháng 06/2012: Quyền Giám đốc XN than 917, Công ty Than Hòn Gai.

- Từ tháng 07/2012 đến tháng 11/2013: Giám đốc XN than 917, Công ty Than Hòn Gai.

- Từ tháng 12/2013 đến tháng 05/2017: P Giám đốc Công ty Than Hòn Gai.

- Từ tháng 06/2017 đến Nay: Phó Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin.

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin.

12. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: UV BTV Đảng ủy Công ty CP than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin.

13. Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Ông Vũ Văn Huy – Phó Giám đốc**

1. Họ và tên: Vũ Văn Huy

2. Giới tính: Nam

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 18 tháng 7 năm 1975

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 100983961; Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Khu Tân Lập, P. Cẩm Thuỷ - TP Cẩm Phả - Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0904 166 656

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTDN.

10. Quá trình công tác:

- Từ tháng 09/1993 đến tháng 06/1998: Sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
- Từ tháng 06/1998 đến tháng 11/1998: Chờ việc tại địa phương.
- Từ tháng 11/1998 đến tháng 06/1999: Nhân viên Phòng Lao động tiền lương mỏ Đèo Nai.
- Từ tháng 06/1999 đến tháng 2008: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty Than Đèo Nai.
- Từ tháng 2008 đến tháng 05/2015: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Than Đèo Nai.
- Từ tháng 10/2015 đến Nay: PGĐ Công ty CP than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty CP than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin.

12. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

13. Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

**13.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm Soát**

- **Bà Nguyễn Thị Lịch – Trưởng BKS**

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Lịch

2. Giới tính: Nam/Nữ: Nữ

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 19 tháng 10 năm 1979

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 101166814 Ngày cấp: 22/01/2010 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: SN 11, tổ 3, khu 6B, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0912 591 015

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Quá trình công tác:

+ Từ tháng 10/2001 đến tháng 01/2009 Nhân viên phòng Kế toán- Công ty TNHH MTV than Hạ Long.

+ Từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2010 Phó phòng Kế toán- Công ty TNHH MTV than Hạ Long.

+ Từ tháng 05/2010 đến tháng 11/2010 Phụ trách phòng Kế toán- Công ty TNHH MTV than Hạ Long.

+ Từ tháng 12/2010 đến tháng 4/2018 Kế toán trưởng Công ty than Hạ Long.

+ Từ tháng 4/2018 đến nay Phó trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn.

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Phó trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn; Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Tây Nam Đá Mài, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cơ khí ô tô Uông Bí, Kiểm soát viên Công ty than Quang Hanh và Kiểm soát viên Công ty than Hòn Gai.

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

13.Số cổ phần đang nắm giữ: 900 cổ phần;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Bà Dương Thị Thu Phong – Thành viên BKS**

1. Họ và tên: Dương Thị Thu Phong

2. Giới tính: Nam/Nữ: Nữ

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 02 tháng 9 năm 1972

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 100583292 Ngày cấp: 13/02/2006 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: SN 11, tổ 3, khu 6B, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0912 658 006

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa CN Mỏ, Thạc sỹ chuyên ngành kinh tế mỏ.

10. Quá trình công tác:

+ Từ tháng 10/1994 đến tháng 06/1996: Cán bộ phòng máy tính, Trung tâm máy tính và tin học Hạ Long.

+ Từ tháng 7/1996 đến tháng 02/1997: Cán bộ phòng máy tính, Công ty than Hòn Gai

+ Từ tháng 3/1997 đến tháng 3/1998: Cán bộ tổ chức dịch vụ trường Đào tạo nghề mỏ Hòn Gai – Quảng Ninh.

+ Từ tháng 4/1998 đến tháng 9/1999: Cán bộ phòng Tổ chức lao động, Công ty than Hòn Gai.

+ Từ tháng 10/1999 đến tháng 11/2003: Nhân viên phòng Tổ chức lao động, Kế hoạch, Kế toán thống kê, Quản lý chi phí, Công ty than Núi Béo.

+ Từ tháng 12/2003 đến tháng 12/2004: Phó phòng Khoán và Quản lý chi phí, Công ty than Núi Béo -TKV.

+ Từ tháng 01/2005 đến tháng 10/2014: Trưởng phòng Quản lý chi phí, Công ty than Núi Béo -Vinacomin.

+ Từ tháng 11/2014 đến tháng 15/12/2015: Phó giám đốc, Công ty than Núi Béo -Vinacomin.

+ Từ tháng 12/2015 đến tháng /2015: Trưởng phòng Ban Kế hoạch Tập đoàn.

+Từ tháng 4/2018 đến nay: Phó trưởng Ban Kế hoạch Tập đoàn.

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Phó trưởng ban Kế hoạch Tập đoàn; Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Tây Nam Đá Mài.
12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
13. Số cổ phần đang nắm giữ: 900 cổ phần;
14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Ông Nguyễn Huy Hoàng – Thành viên BKS**

1. Họ và tên: NGUYỄN HUY HOÀNG.
2. Giới tính: Nam
3. Số CMND: 100658251; Ngày cấp: 17/6/2010; Nơi cấp: CA Tỉnh Quảng Ninh.
4. Ngày sinh: 26/11/1977.
5. Quốc tịch: Việt Nam.
6. Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Khu 5A, P. Cẩm Trung - TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
7. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0203.3.862229.
8. Trình độ văn hoá: 12/12.
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư kế toán.
10. Quá trình công tác:

+ Từ tháng 5/1999 - 2002: Thống kê, Nhân viên cảng, nhân viên phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Than Suối Lại - Công ty Than Hạ Long.

+ Từ năm 2003 - tháng 5/2005: Nhân viên cảng, Nhân viên kinh tế - Xí nghiệp Xây lắp và sản xuất than Khe Chàm II - Công ty than Hạ Long.

+ Từ tháng 6/2005 - tháng 3/2007: Nhân viên kinh tế Phân xưởng vận tải - Công ty Cổ phần than Tây Nam Đá Mài.

+ Từ tháng 4/2007 - tháng 3/2010: Nhân viên phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí -

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài.

+ Từ tháng 4/2010 - đến nay: Phó phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí - Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Phó phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí Công ty, Chủ tịch CĐ BP khối Kế hoạch - Đầu tư.

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

13. Số cổ phần đang nắm giữ: Không có.

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có.

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

- **Ông Đinh Văn Chiến – Kế toán trưởng** *(xem thông tin bên trên)*

**17. Tài sản**

**BẢNG 35. Tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài tại thời điểm 31/12/2019**

*Đơn vị: đồng*

| Tiêu chí | Nguyên giá | GTCL | GTCL/NG |
|---|---|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 674.553.191.134 | 355.286.684.054 | 52,67% |
| Máy móc, thiết bị | 667.548.401.253 | 164.196.990.715 | 24,60% |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 1.087.189.180.824 | 214.180.648.187 | 19,70% |
| Thiết bị văn phòng | 7.665.362.168 | 3.310.152.300 | 43,18% |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2019 của TND*

**18. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020**

**BẢNG 36. Một số chỉ tiêu dự kiến trong kế hoạch tài chính hợp nhất năm 2020**

| STT | CHỈ TIÊU | Đơn vị | Năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | % tăng giảm so với năm 2019 |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Tổng doanh thu** | **Triệu đồng** | **3.035.154** | **2.924.001** | **(3,66%)** |
| **2** | **Lợi nhuận sau thuế** | **Triệu đồng** | **93.816** | **24.121** | **(74,29%)** |
| **3** | **Tỷ suất** | | | | |
| *a* | *Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần* | *%* | *2,42%* | *0,82%* | *(66,12%)* |
| *b* | *Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ* | *%* | *58,64%* | *15,08%* | *(74,29%)* |
| **4** | **Vốn điều lệ** | **Đồng** | 160.000.000.000 | 160.000.000.000 | 0 |

| STT | CHỈ TIÊU | Đơn vị | Năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | % tăng giảm so với năm 2019 |
|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Tỷ lệ cổ tức | % | 53% | ≥ 8 | - |

*Nguồn : Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 của CTCP Than Tây Nam Đá Mài*

**– Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh được xây dựng trên tình hình thực tế khai thác than của doanh nghiệp và đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty. Trong năm 2020, Công ty tiếp tục hoạt động khai thác than lộ thiên tại mỏ và cung ứng cho Tập đoàn TKV.

**19. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh của CTCP Than Tây Nam Đá Mài. Chúng tôi cho rằng, trong trường hợp không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**20. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...):** Không có

**21. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành:** Không có

## VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN THỰC HIỆN HỢP NHẤT

Căn cứ:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ-TCS-ĐHĐCĐ ngày 16/12/2019 của CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 20/12/2019 của CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin đã thông qua phương án hợp nhất 2 Công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ-TCS-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 29/06/2020 của CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin đã thông qua việc tiếp tục triển khai phương án hợp nhất 2 Công ty, thông qua kết quả thẩm định giá (cập nhật) và tỷ lệ hoán đổi (cập nhật).

**1. Cổ phiếu chào bán**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 42.846.773 cổ phần
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 428.467.730.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.
- Phương thức phát hành: Công ty Hợp nhất sẽ phát hành 42.846.773 cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần của các cổ đông trong Công ty bị hợp nhất, trong đó:

✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin là 1:1

01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phần Công ty hợp nhất.

✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin là 1:1.

01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phần Công ty hợp nhất.

**2. Hình thức hợp nhất:**

CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin (TCS), CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (TND) sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công ty Hợp nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu TCS và TND lấy cổ phiếu của Công ty Hợp nhất theo Hợp đồng hợp nhất. Sau hợp nhất, CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác cho Công ty Hợp nhất.

**3. Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi:**

Căn cứ kết quả định giá theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY và tỷ lệ hoán đổi cổ phần được xác định theo phương pháp tài sản để thực hiện hợp nhất đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY xác nhận tại công văn số 95/2020/UHY-CV ngày 10/06/2020 như sau:

**BẢNG 37. Tỷ lệ hoán đổi cổ phần**

| Stt | Chỉ tiêu | Than Cao Sơn | Tây Nam Đá Mài | Công ty Hợp nhất |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Giá trị phần vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 | 1.791.047.874.428 đồng | 1.066.716.621.930 đồng | |
| 2 | Tổng số vốn cổ phần của Công ty | 26.846.773 cổ phần | 16.000.000 cổ phần | |

| Stt | Chỉ tiêu | Than Cao Sơn | Tây Nam Đá Mài | Công ty Hợp nhất |
|---|---|---|---|---|
| 3 | Giá trị 1 cổ phần (theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY) | 66.714 đồng/cổ phần | 66.670 đồng/cổ phần | |
| 4 | Tỷ lệ hoán đổi cổ phần để hợp nhất | 1,0002 | 0,9997 | |
| 5 | **Tỷ lệ hoán đổi đề xuất (đã làm tròn tỷ lệ)** | **1** | **1** | |
| 6 | | 1 cổ phần TCS sẽ nhận được 1 cổ phần Công ty hợp nhất | 1 cổ phần TND sẽ nhận được 1 cổ phần Công ty hợp nhất | |
| 7 | **Số lượng cổ phần công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được sau khi làm tròn tỷ lệ hoán đổi** | **26.846.773** | **16.000.000** | **42.846.773** |

Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ-TCS-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 29/06/2020 của CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin đã thông qua các kết quả thẩm định giá (cập nhật) và tỷ lệ hoán đổi (cập nhật) nêu trên để tiếp tục thực hiện phương án hợp nhất 2 doanh nghiệp.

## 4. Phương án tổ chức công ty hợp nhất:

### 4.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV
- Tên tiếng Anh: CAO SON COAL JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Trụ sở chính của Công ty CP Than Cao Sơn - Đá Mài sẽ đặt tại trụ sở chính của Công ty CP Than Cao Sơn hiện nay (Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh), trụ sở của Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài hiện nay dự kiến sẽ làm trung tâm điều hành cho các công trường sản xuất của Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài hiện nay.

### 4.2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất:

**BẢNG 38. Ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất**

| STT | Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất | Mã ngành KTQD |
|---|---|---|
| 1 | **Khai thác và thu gom than cứng (chính)** | **0510** |
| 2 | Khai thác và thu gom than non | 0520 |
| 3 | Vận tải hàng hóa đường sắt | 4912 |
| 4 | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su | 2211 |
| 5 | Xây dựng công trình công ích khác | 4229 |
| 6 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | 4520 |

| STT | Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất | Mã ngành KTQD |
|---|---|---|
| 7 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 8 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 9 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 10 | Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại | 2592 |
| 11 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | 0810 |
| 12 | Xây dựng công trình đường sắt | 4211 |
| 13 | Xây dựng công trình đường bộ | 4212 |
| 14 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4299 |
| 15 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 16 | Phá dỡ | 4311 |
| 17 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 |
| 18 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 19 | Xây dựng nhà để ở | 4101 |
| 20 | Xây dựng nhà không để ở | 4102 |
| 21 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 22 | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 2219 |
| 23 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp | 0210 |
| 24 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659 |
| 25 | Truyền tải và phân phối điện | 3512 |
| 26 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác | 0990 |
| 27 | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315 |
| 28 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 29 | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn | 3311 |
| 30 | Sửa chữa thiết bị điện | 3314 |
| 31 | Sửa chữa thiết bị khác | 3319 |
| 32 | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học | 3313 |

### 4.3. Danh sách thành viên HĐQT, BKS và Giám đốc Công ty

Căn cứ vào kết bầu cử tại ĐHĐCĐ bất thường của Than Cao Sơn và Tây Nam Đá Mài, Đại hội đã thông qua danh sách thành viên HĐQT, BKS và Giám đốc Công ty hợp nhất như sau:

**BẢNG 39. Danh sách thành viên HĐQT, BKS và Giám đốc Công ty hợp nhất**

| STT | Danh sách | Chức vụ |
|---|---|---|
| | **Hội đồng quản trị** | |
| 1 | Ông Vũ Văn Khẩn | Chủ tịch HĐQT |

| STT | Danh sách | Chức vụ |
|---|---|---|
| 2 | Ông Phạm Thành Đông | Thành viên HĐQT |
| 3 | Ông Vũ Trọng Tuấn | Thành viên HĐQT |
| 4 | Ông Trần Tuấn Anh | Thành viên HĐQT |
| 5 | Ông Trần Phương Nam | Thành viên HĐQT |
| | **Ban kiểm soát** | |
| 1 | Bà Nguyễn Lan Chi | Trưởng BKS |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Lịch | Thành viên BKS |
| 3 | Bà Dương Thị Thu Phong | Thành viên BKS |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Bích Hải | Thành viên BKS |
| 5 | Ông Nguyễn Huy Hoàng | Thành viên BKS |
| | **Giám đốc** | |
| 1 | Ông Phạm Thành Đông | Giám đốc |

### 4.4. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công Ty Hợp nhất là: 428.467.730.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tám tỷ, bốn trăm sau mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng)
- Số cổ phần phát hành: 42.846.773 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

## 5. Phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất doanh nghiệp

Công ty hợp nhất sẽ phát hành cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phần đang lưu hành của các Công ty bị hợp nhất theo phương thức dưới đây và được Đại hội đồng cổ đông các Công ty bị hợp nhất thông qua. Theo đó, tất cả các cổ đông hiện hữu của các Công ty bị hợp nhất sẽ trở thành cổ đông của Công ty hợp nhất thông qua việc sở hữu cổ phần Công ty hợp nhất phát hành thêm theo Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 42.846.773 cổ phần
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 428.467.730.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.
- Phương thức phát hành: Công ty Hợp nhất sẽ phát hành 42.846.773 cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần của các cổ đông trong Công ty bị hợp nhất, trong đó:
  - ✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin là 1:1

01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phần Công ty hợp nhất.

✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin là 1:1.

01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phần Công ty hợp nhất.

## 6. Thủ tục và điều kiện hợp nhất

### *6.1. Thủ tục hợp nhất*

Giao Dịch Hợp Nhất được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, theo đó, Các công ty bị hợp nhất cần chuẩn bị:

a) Dự thảo Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất;

b) Tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ để thông qua Phương án hợp nhất; Hợp đồng hợp nhất; Dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất; Nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty hợp nhất.

c) Mỗi bên công ty tham gia hợp nhất sẽ thực hiện các công việc cụ thể của mình theo Hợp đồng hợp nhất và theo các quy định của pháp luật để tiến hành giao dịch hợp nhất.

d) Sau khi nhận được chấp thuận hợp nhất bằng văn bản của cơ quan đăng ký kinh doanh và UBCKNN, các công ty bị hợp nhất sẽ cùng nhau xác định ngày đăng ký cuối cùng để tiến hành việc hoán đổi cổ phần. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, các công ty bị hợp nhất sẽ thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp/điều chỉnh GCNĐKDN cho Công ty hợp nhất.

e) Vào ngày hoàn thành, các công ty bị hợp nhất sẽ hoàn thành việc bàn giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty hợp nhất ngoại trừ các tài sản phải đăng ký chuyển quyền sở hữu theo quy định.

### *6.2. Điều kiện hợp nhất*

Các bên công ty tham gia thực hiện hợp nhất khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất, Điều lệ dự thảo Công ty hợp nhất được ĐHĐCĐ của các công ty tham gia hợp nhất thông qua và được đại diện có thẩm quyền của các công ty này ký kết Hợp đồng hợp nhất.

b) Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về Giao dịch hợp nhất và gửi các tài liệu liên quan cho các chủ nợ, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh và các trái chủ (nếu có).

c) Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về Giao dịch hợp nhất cho tất cả người lao động của Công ty theo quy định của pháp luật.

d) Giao dịch hợp nhất này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế.

e) Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần có từ các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có thẩm quyền hay từ bất kỳ bên thứ ba nào đều đã đạt được, bao gồm nhưng không giới hạn ở

giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng để hoán đổi theo mẫu ban hành tại Thông tư 162/2015/TT-BTC; Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý cạnh tranh về Giao dịch hợp nhất để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu theo Hợp đồng hợp nhất.

f) Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao dịch hợp nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

**7. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản**

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các công ty bị hợp nhất được coi là đã chuyển giao cho Công ty hợp nhất vào Ngày hợp nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày hợp nhất.

a) Vào Ngày hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Bên. Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công ty hợp nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công ty hợp nhất.

b) Vào Ngày hợp nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị hợp nhất phải được chuyển giao cho Công ty hợp nhất. Các Công ty bị hợp nhất đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công ty hợp nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.

c) Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi bên công ty bị hợp nhất liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi bên trong Biên bản bàn giao.

d) Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào của các công ty bị hợp nhất tồn tại ngay trước Ngày hợp nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công ty hợp nhất. Công ty hợp nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.

e) Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (bao gồm cả quyền khai thác khoáng sản) Công ty hợp nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chuyển quyền sở hữu từ Công ty bị hợp nhất sang Công ty hợp nhất đối với các tài sản này trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày hợp nhất trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

f) Vào Ngày hợp nhất, Công ty hợp nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin thành Báo cáo tài chính của Công ty hợp nhất.

g) Kể từ Ngày hợp nhất, Công ty hợp nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ các bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa hai bên công ty bị hợp nhất và bên thứ ba trước Ngày hợp nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.

h) Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng cho đến Ngày hợp nhất, các Bên vẫn hoạt động kinh doanh bình thường ,vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Bên đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng này.

**8. Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất:**

- Sau khi thực hiện hợp nhất, Công ty hợp nhất sẽ được tổ chức, sắp xếp lại bộ máy một cách hợp lý, tăng sức cạnh tranh, mở rộng quan hệ, hợp tác đa phương nhằm phát triển SXKD, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu…
- Sau khi thực hiện hợp nhất, Công ty sẽ có quyền khai thác 2 mỏ than lộ thiên lớn, thân thiện với môi trường, với thiết bị công nghệ khai thác, chế biến tốt, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân vận hành, đảm bảo an toàn cho tất cả các công đoạn trong dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm tới dự kiến:

**BẢNG 40. Kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến của Công ty hợp nhất**

| Stt | CHỈ TIÊU | ĐVT | Thực hiện 2019 (dự kiến) | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 428 | 428 | 428 | 428 |
| 2 | Sản lượng than khai thác | Triệu Tấn | 6,16 | 6,45 | 6,5 | 6,7 |
| 3 | Doanh thu | Tỷ đồng | 8.577 | 8.733 | 8.822 | 8.960 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 94 | 100 | 137 | 137 |
| 5 | Cổ tức | % vốn điều lệ | ≥ 7 | ≥ 7 | ≥ 7 | ≥ 7 |
| 6 | Thu nhập bình quân người lao động | nghìn đồng/ng/tháng | 11.300 | 11.865 | 12.485 | 13.081 |

**9. Phương án sử dụng lao động:**

Vào Ngày hợp nhất, toàn bộ người lao động của CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin sẽ trở thành người lao động của Công ty hợp nhất. Công ty hợp nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin, CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin. Đồng thời, Công ty hợp nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại.

## VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

**1. Tổ chức bảo lãnh phát hành:** không.

**2. Tổ chức tư vấn:**

**Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**

Trụ sở chính: Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Website: http://www.bvsc.com.vn

**3. Tổ chức kiểm toán:**

**Công ty TNHH PKF Việt Nam**

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6664 4488 Fax: (84-24) 6664 2233

Website: www.pkf.com.vn

**4. Tổ chức thẩm định giá**

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY**

Trụ sở: Tầng 9, tòa nhà HL, ngõ 82 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3755 7446

Fax: (84-24) 3755 7448

**5. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán**

Trên cơ sở các thông tin mà BVSC đã thu thập được về 2 Công ty tham gia hợp nhất và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, BVSC có một số nhận định như sau:

Việc hợp nhất Công ty cổ phần Than Cao Sơn và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài được thực hiện theo đúng chủ trương của Thủ tướng chính phủ tại Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020, trong đó nêu rõ: *"Bộ Công thương theo thẩm quyền chỉ đạo TKV thực hiện sắp xếp, hợp nhất các công ty con do TKV nắm giữ từ 65% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Công ty cổ phần Than Cao Sơn, Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu, Công ty cổ phần Than Đèo Nai, Công ty cổ phần Than Núi Béo, Công ty cổ phần Than Hà Lầm theo quy định tại Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng chính phủ và quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo công khai minh bạch, không làm mất vốn và tài sản của nhà nước"*. Ngoài ra việc hợp nhất 2 công ty thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để thực hiện hoán đổi giữa CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài cũng mang lại một số lợi ích như: nâng cao vị thế của Công ty hợp nhất và thống nhất tập trung quản lý các khu vực khai thác; tăng trưởng về quy mô của Công ty hợp nhất, tăng khả năng xây dựng lại bộ máy quản lý tập trung, hiệu quả; tiết giảm các chi phí.

## VIII. PHỤ LỤC

**Phụ lục I**: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin

**Phụ lục II**: Bản sao điều lệ Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin

**Phụ lục III**: Các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và hoán đổi của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin

**Phụ lục IV**: Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần để hoán đổi cổ phiếu.

**Phụ lục V**: Bản sao báo cáo kiểm toán 2019 và BCTC Quý I/năm 2020 của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin.

**Phụ lục VII**: Các phụ lục khác.

*Quảng Ninh, ngày 06 tháng 07 năm 2020*

| ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN** | **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN** |
| **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**<br><br>**VŨ VĂN KHẨN** | |
| **GIÁM ĐỐC**<br><br>**PHẠM THÀNH ĐÔNG** | **QUYỀN GIÁM ĐỐC**<br><br>**VŨ TRỌNG TUẤN** |
| **KẾ TOÁN TRƯỞNG**<br><br>**TRẦN TUẤN ANH** | **KẾ TOÁN TRƯỞNG**<br><br>**ĐINH VĂN CHIẾN** |
| **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**<br><br>**LÊ THỊ KIM DUNG** | **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**<br><br>**NGUYỄN THỊ LỊCH** |
| **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**<br>**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**<br>**TỔNG GIÁM ĐỐC**<br><br>**NHỮ ĐÌNH HÒA** | |